

TĐBT

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

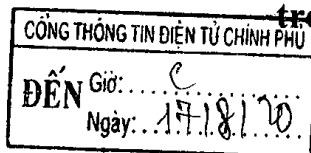
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 377 /BC-CP

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2020

BÁO CÁO

V/v thực hiện nghị quyết của Quốc hội về giám sát chuyên đề và chất vấn trong nhiệm kỳ khóa XIV và một số nghị quyết trong nhiệm kỳ khóa XIII thuộc lĩnh vực ngân hàng



Kính gửi: Ủy ban Thường vụ Quốc hội

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

Thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 113/2015/QH13 và các Nghị quyết của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 2, 3, 4, 5, 7, 8 Quốc hội khóa XIV, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã chủ động nghiên cứu, rà soát, phân công các đơn vị chức năng triển khai quyết liệt, có hiệu quả những nội dung có liên quan đến lĩnh vực Ngân hàng.

Đến nay, về cơ bản NHNN đã hoàn thành các nhiệm vụ được giao và đạt được mục tiêu Quốc hội, Chính phủ đề ra. Chủ động, linh hoạt trong điều hành CSTT phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, thị trường tiền tệ, góp phần quan trọng vào việc kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô. Thị trường tiền tệ, ngoại hối ổn định, dự trữ ngoại hối nhà nước tăng cao, niềm tin vào VND được củng cố. Mặt bằng lãi suất ổn định, lãi suất cho vay đối với lĩnh vực ưu tiên tiếp tục giảm. Tăng trưởng tín dụng gắn với chất lượng và hiệu quả, tập trung chủ yếu vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, nhất là lĩnh vực có vai trò động lực cho tăng trưởng. Công tác cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu tiếp tục được triển khai mạnh mẽ, đạt được kết quả quan trọng, giữ vững sự ổn định, an toàn hệ thống, quy mô và năng lực tài chính tiếp tục được nâng cao; năng lực quản trị điều hành từng bước tiếp cận với thông lệ quốc tế; tính minh bạch và chất lượng dịch vụ ngân hàng được cải thiện; nợ xấu được kiểm soát và tiếp tục duy trì ở mức an toàn, ổn định. Hoạt động thanh toán tiếp tục có bước phát triển mạnh mẽ với nhiều sản phẩm, tiện ích ngân hàng mới, hiện đại được áp dụng; số lượng và giá trị thanh toán tăng trưởng mạnh; các rủi ro, nguy cơ mất an toàn cơ bản được lường đoán, kiểm soát và xử lý kịp thời.

Các giải pháp đồng bộ nêu trên đã góp phần tích cực giúp nền kinh tế đạt được nhiều kết quả khả quan trong bối cảnh nền kinh tế thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, góp phần củng cố vững chắc nền tảng kinh tế vĩ mô, nâng cao năng lực nội tại của nền kinh tế, duy trì mức tăng trưởng GDP trên dưới 7%/năm trong nhiều năm, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp hơn mục tiêu do Quốc hội đề ra.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO TẠI CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI

1. Điều hành chính sách tiền tệ, ngoại hối (Nghị quyết số

113/2015/QH13, Nghị quyết số 55/2017/QH14)

a) Điều hành đồng bộ và linh hoạt các công cụ CSTT; phối hợp với chính sách tài khóa và các chính sách vĩ mô khác nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

Ngay từ đầu nhiệm kỳ, nhận thức được vai trò và trách nhiệm của mình, NHNN đã điều hành linh hoạt, đồng bộ các công cụ CSTT, góp phần quan trọng thực hiện thành công mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát ở mức 1 con số (lạm phát bình quân không vượt quá 4%/năm), nâng cao giá trị đồng bản tệ, đảm bảo thanh khoản hệ thống, ổn định thị trường, chia sẻ và tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh... tạo tiền đề cho tăng trưởng kinh tế bền vững. Từ năm 2016 đến nay, cung - cầu ngoại tệ khá thuận lợi, NHNN tranh thủ, chủ động mua ngoại tệ để tăng dự trữ ngoại hối Nhà nước (DTNHNN), phối hợp đồng bộ các biện pháp, công cụ CSTT, bao gồm cả chủ động truyền thông định hướng thị trường, bán ngoại tệ can thiệp một cách linh hoạt, phù hợp để ổn định thị trường ngoại tệ khi tỷ giá chịu nhiều áp lực; đồng thời, hút tiền về thông qua chào bán tín phiếu NHNN với khối lượng, kỳ hạn và lãi suất phù hợp nhằm duy trì vốn khả dụng ở mức hợp lý, góp phần kiểm soát tiền tệ, không tạo ra áp lực gia tăng lạm phát; tiếp tục duy trì ổn định tỷ lệ dự trữ bắt buộc (DTBB) để chủ động kiểm soát tiền tệ, tạo điều kiện ổn định thanh khoản, thị trường tiền tệ¹. Mặt khác, NHNN đã thực hiện tái cấp vốn đối với TCTD để hỗ trợ thanh khoản, cho vay theo các chương trình đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt của VAMC để hỗ trợ nguồn vốn hoạt động của TCTD trong quá trình xử lý nợ xấu theo Nghị định số 53/2013/NĐ-CP và Nghị định số 34/2015/NĐ-CP.

Trong giai đoạn từ năm 2016 đến nay, công tác phối hợp trong điều hành CSTT và CSTK giữa NHNN và Bộ Tài chính đã được triển khai đồng bộ, chặt chẽ từ cấp lãnh đạo đến các cấp tham mưu; qua đó giúp ổn định giá trị đồng tiền, hỗ trợ kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô; đồng thời, góp phần hỗ trợ công tác phát hành trái phiếu Chính phủ (TPCP), nâng cao hiệu quả quản lý ngân quỹ nhà nước. Trong đó, (i) NHNN đã điều hành giữ mặt bằng lãi suất ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát hành TPCP với kỳ hạn dài hơn và lãi suất thấp hơn giúp làm giảm chi phí huy động vốn cho ngân sách nhà nước; (ii) Chủ động trao đổi, phối hợp trong việc chuyên tiền gửi Kho bạc từ hệ thống ngân hàng thương mại (NHTM) về NHNN và gửi tiền có kỳ hạn tại các NHTM, qua đó, hỗ trợ NHNN kiểm soát tiền tệ và ổn định thị trường tiền tệ; (iii) Thường xuyên trao đổi các thông tin về thị trường tiền tệ, thị trường TPCP, việc điều hành ngân quỹ của KBNN để tăng cường sự phối hợp giữa công tác điều hành CSTT&CSTK.

Kết quả là, mặc dù dự trữ ngoại hối tăng lên mức kỷ lục nhưng mức tăng của tổng phương tiện thanh toán (M2) và lạm phát được kiểm soát ở mức phù hợp: M2 các năm 2016, 2017, 2018, 2019 và 8 tháng đầu năm 2020 (đến ngày 04/8/2020) tăng lần lượt là 17,65%; 14,88%; 12,21% 14,22% và 5,69% so với cuối năm trước. Lạm phát bình quân năm 2016, 2017, 2018 và 2019 lần lượt là 2,66%; 3,53%; 3,54% và 2,79%, luôn duy trì thấp hơn mục tiêu do Quốc hội đề

¹ DTBB bằng VND là 3% đối với tiền gửi dưới 12 tháng và 1% đối với tiền gửi kỳ hạn từ 12 tháng trở lên; tỷ lệ DTBB bằng ngoại tệ là 8% đối với tiền gửi dưới 12 tháng, 6% đối với tiền gửi kỳ hạn từ 12 tháng trở lên và 1% đối với tiền gửi của các TCTD ở nước ngoài.

ra (khoảng 4%) và thấp hơn nhiều so với mức bình quân 7,8%/năm của giai đoạn 2011-2015. Lạm phát cơ bản từ năm 2016 đến nay ổn định ở mức thấp, tạo dư địa để Chính phủ điều chỉnh giá các mặt hàng và dịch vụ do Nhà nước quản lý (lạm phát cơ bản bình quân năm 2016, 2017, 2018 và 2019 lần lượt là 1,83%; 1,41%; 1,48% và 2,01%).

b) Điều hành ổn định mặt bằng lãi suất trong bối cảnh thị trường thế giới có nhiều sức ép

Từ năm 2016 đến nay, việc điều hành lãi suất phải đối mặt với nhiều thách thức như: Nhu cầu vốn, đặc biệt là vốn trung dài hạn, cho nền kinh tế Việt Nam còn phụ thuộc chủ yếu vào nguồn vốn từ hệ thống ngân hàng; trong khi đó nhu cầu phát hành TPCP của ngân sách Nhà nước tăng qua các năm; tâm lý thị trường trong nước phản ứng với các biến động của thị trường thế giới; hệ thống TCTD tiếp tục quá trình tái cơ cấu và xử lý nợ xấu, nâng cấp về chuẩn mực quản trị điều hành theo thông lệ quốc tế; năng lực tài chính, quản trị, điều hành giữa các TCTD còn có sự khác biệt lớn; thị trường và kinh tế thế giới diễn biến bất thường và đảo chiều nhanh chóng,... Trong bối cảnh đó, trên cơ sở bám sát diễn biến thị trường trong và ngoài nước, NHNN đã điều hành đồng bộ các giải pháp để nỗ lực duy trì ổn định và giảm mặt bằng lãi suất. Từ năm 2016 đến nay, NHNN điều chỉnh giảm 1,5-2%/năm các mức lãi suất điều hành, giảm 0,8-1,25%/năm trần lãi suất huy động các kỳ hạn dưới 6 tháng, giảm 2%/năm trần lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên; đồng thời kết hợp với điều tiết và đáp ứng kịp thời nhu cầu thanh khoản cho các TCTD, duy trì lãi suất thị trường liên ngân hàng ở mức phù hợp để tạo điều kiện hỗ trợ nguồn vốn với chi phí hợp lý cho các TCTD; chỉ đạo các TCTD cân đối khả năng tài chính để áp dụng mức lãi suất cho vay hợp lý nhằm chia sẻ khó khăn với khách hàng vay.

Đặc biệt, trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, chỉ riêng trong những tháng đầu năm 2020, NHNN đã 02 lần điều chỉnh giảm đồng bộ các mức lãi suất với quy mô cắt giảm tương đối mạnh trong nhiều năm qua, cụ thể: (i) Ngày 17/3/2020, NHNN giảm các mức lãi suất điều hành từ 0,5-1%/năm, giảm 0,5% trần lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên; (ii) Ngày 13/5/2020, NHNN tiếp tục giảm đồng bộ 0,5%/năm các mức lãi suất điều hành để phát tín hiệu mạnh mẽ và nhất quán về định hướng điều hành giảm lãi suất, sẵn sàng hỗ trợ thanh khoản cho các TCTD; giảm 0,3-0,5%/năm trần lãi suất huy động và tiếp tục giảm 0,5%/năm trần lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên nhằm tiếp tục giảm chi phí vốn vay của khách hàng². Cùng với các giải pháp đồng bộ để hỗ trợ nền kinh tế, việc giảm mạnh các mức lãi suất điều hành của NHNN góp phần tháo gỡ khó khăn và hỗ trợ phục hồi kinh tế. Lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên tiếp tục giảm, hiện ở mức 5%/năm. So với các nước trong khu vực, mức giảm lãi suất điều hành của Việt Nam hiện là một trong các mức giảm mạnh nhất³.

² (i) Lãi suất tái cấp vốn giảm từ 5%/năm xuống 4,5%/năm; Lãi suất tái chiết khấu giảm từ 3,5%/năm xuống 3%/năm; Lãi suất chào mua giấy tờ có giá qua nghiệp vụ thị trường mở giảm từ 3,5%/năm xuống 3%/năm; Lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN giảm từ 6%/năm xuống 5,5%/năm; (ii) Lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng VND không kỳ hạn và dưới 1 tháng giảm từ 0,5%/năm xuống 0,2%/năm, lãi suất tối đa đối với tiền gửi VND kỳ hạn từ 1 đến dưới 6 tháng từ 4,75%/năm xuống 4,25%/năm; (iii) Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với các lĩnh vực ưu tiên giảm từ 5,5%/năm xuống 5%/năm.

³ Philippines: -1,75%; Thái Lan: -0,75%; Malaysia: -1,25%; Indonesia: -1,0%; Ấn Độ: -1,15%; Trung Quốc: -0,3%.

c) Điều hành tỷ giá phù hợp với cân đối kinh tế vĩ mô, diễn biến thị trường trong và ngoài nước, đáp ứng đầy đủ các nhu cầu về ngoại tệ hợp pháp, mua được lượng ngoại tệ lớn bổ sung quỹ DTNHNN khi điều kiện thuận lợi

Từ đầu năm 2016 đến nay, NHNN điều hành tỷ giá chủ động, linh hoạt, phù hợp với cân đối vĩ mô, diễn biến thị trường và mục tiêu CSTT trong từng giai đoạn cụ thể. Theo đó, NHNN thực hiện công bố tỷ giá trung tâm hàng ngày trên cơ sở tham chiếu diễn biến thị trường trong và ngoài nước, các cân đối kinh tế vĩ mô, tiền tệ và mục tiêu CSTT góp phần ổn định tỷ giá và thị trường ngoại tệ trong nước. Trong một số giai đoạn, NHNN thực hiện mua ngoại tệ từ các TCTD, bổ sung DTNHNN khi điều kiện thị trường thuận lợi. Ngược lại, trong một số giai đoạn (như cuối năm 2016, nửa cuối 2018), khi tỷ giá tăng, cầu ngoại tệ có dấu hiệu căng thẳng, NHNN đã thực hiện bán ngoại tệ can thiệp (bao gồm cả bán ngoại tệ kỳ hạn) để cân đối cung-cầu ngoại tệ và ổn định thị trường ngoại tệ. Ngoài ra, NHNN đã phối hợp đồng bộ các giải pháp, công cụ khác như: điều tiết thanh khoản, lãi suất tiền đồng...; đẩy mạnh công tác truyền thông, định hướng thị trường đối với quan điểm và biện pháp điều hành CSTT và tỷ giá, qua đó tạo sự đồng thuận của các thành viên thị trường và nâng cao tính minh bạch, hiệu quả của CSTT và tỷ giá.

Những tháng đầu năm 2020, trong bối cảnh kinh tế, tài chính thế giới biến động nhanh, phức tạp do tác động của dịch bệnh Covid-19, tâm lý trên thị trường có thời điểm bị tác động tiêu cực, NHNN đã điều hành tỷ giá linh hoạt, chủ động, kết hợp với các giải pháp điều tiết thanh khoản hợp lý, chủ động truyền thông, điều chỉnh giảm tỷ giá bán can thiệp và sẵn sàng bán ngoại tệ can thiệp để bình ổn thị trường, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô. Tỷ giá và thị trường ngoại tệ về cơ bản ổn định, tâm lý thị trường không xáo trộn, nhất là cân đối cung, cầu vẫn khá thuận lợi, thanh khoản thông suốt.

Như vậy, với việc điều hành tỷ giá chủ động và linh hoạt, đặc biệt là việc công bố tỷ giá trung tâm bám sát diễn biến thị trường hàng ngày đã góp phần nâng cao vị thế đồng Việt Nam, ổn định thị trường ngoại tệ, giảm tình trạng găm giữ ngoại tệ, khuyến khích người dân bán ngoại tệ cho hệ thống ngân hàng, tạo nguồn cung tăng DTNHNN, chuyển hóa nguồn ngoại tệ thành nguồn vốn cho sản xuất, kinh doanh, góp phần phát triển kinh tế. Tỷ giá trung tâm các năm từ 2016-2019 biến động ở mức lần lượt: +1,23%, +1,2%, +1,78%, +1,45%. (i) Tỷ giá trung tâm đến cuối tháng 7/2020: +0,25%, đến ngày 10/8/2020: + 0,26% so với cuối năm 2019; (ii) Tỷ giá bình quân liên ngân hàng cuối tháng 7 và cuối ngày 10/8/2020: +0,02% so với cuối năm 2019. Mức biến động tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tương ứng các năm 2016-2019: +1,2%, -0,25%, +2,16%, -0,12%. Đồng Việt Nam ổn định hơn nhiều so với đồng tiền của nhiều đối tác thương mại.

d) Tiếp tục thực hiện các giải pháp quản lý thị trường ngoại tệ, thị trường vàng phù hợp nhằm chuyển hóa các nguồn vốn vào hoạt động sản xuất, kinh doanh

Thời gian qua, NHNN tiếp tục triển khai các biện pháp hạn chế sử dụng ngoại tệ trong nước theo quy định tại Thông tư số 32/2013/TT-NHNN ngày 26/12/2013 cùng với các biện pháp khác (điều hành chính sách tiền tệ, điều hành lãi suất, tỷ giá theo hướng tăng tính hấp dẫn của đồng Việt Nam, thu hút ngoại tệ vào hệ thống TCTD...) nhằm thực hiện mục tiêu hạn chế tiến tới xóa bỏ tình trạng

đô la hóa, tăng niềm tin của người dân vào đồng Việt Nam, hạn chế những tác động tiêu cực đến cung cầu ngoại tệ và chính sách tỷ giá, tiền tệ trong nước. Bên cạnh đó, NHNN tiếp tục thực hiện, triển khai các giải pháp để thu hút các nguồn ngoại tệ vào hệ thống ngân hàng, góp phần ổn định thị trường, đáp ứng kịp thời nhu cầu ngoại tệ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân, thông qua các chính sách quản lý hoạt động đối ngoại tệ, chính sách mua, bán ngoại tệ tiền mặt của TCTD được phép với cá nhân.

Trong giai đoạn 2016-2020, với việc NHNN triển khai các giải pháp đồng bộ để quản lý thị trường vàng theo Nghị định số 24/2012/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn, thị trường vàng trong nước tiếp tục diễn biến ổn định và tự điều tiết tốt. Nhiều thời điểm giá vàng thế giới biến động mạnh, khó lường, giá vàng trong nước mặc dù điều chỉnh theo giá vàng thế giới nhưng tốc độ chậm hơn, thị trường không xuất hiện các cơn “sốt vàng”, giao dịch trầm lắng, doanh số mua, bán vàng miếng ở mức thấp. NHNN tiếp tục không phải sử dụng ngoại tệ để nhập khẩu vàng can thiệp thị trường. Tình trạng vàng hóa trong nền kinh tế tiếp tục được hạn chế, một phần nguồn vốn bằng vàng được chuyển hóa thành tiền phục vụ phát triển kinh tế-xã hội, có thời điểm giá vàng trong nước thấp hơn giá vàng quốc tế quy đổi đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu vàng trang sức, mỹ nghệ ra thị trường quốc tế để thu về ngoại tệ cho nền kinh tế.

2. Điều hành tín dụng tăng trưởng phù hợp với cân đối vĩ mô, đáp ứng nhu cầu vốn của nền kinh tế gắn liền với nâng cao chất lượng tín dụng, tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên, tín dụng đối với các lĩnh vực rủi ro được kiểm soát chặt chẽ (Nghị quyết số 55/2017/QH14)

Bám sát các mục tiêu tăng trưởng kinh tế và lạm phát bình quân được Quốc hội và Chính phủ đặt ra từ đầu năm, NHNN đã xây dựng chỉ tiêu định hướng tín dụng cả năm, có điều chỉnh phù hợp với diễn biến, tình hình thực tế⁴. NHNN tiếp tục thực hiện các giải pháp tín dụng nhằm kiểm soát quy mô tín dụng phù hợp với chỉ tiêu định hướng đồng thời nâng cao chất lượng tín dụng và kiểm soát lạm phát, tạo điều kiện cho người dân và doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng, cụ thể:

- Thông báo chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng cả năm đối với từng TCTD trên cơ sở đánh giá tình hình hoạt động, khả năng tài chính và khả năng tăng trưởng tín dụng lành mạnh. Trong quá trình điều hành, NHNN xem xét điều chỉnh chỉ tiêu của một số TCTD nhằm đảm bảo hỗ trợ TCTD mở rộng tín dụng có hiệu quả cho doanh nghiệp và người dân, qua đó góp phần hỗ trợ tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh lạm phát được kiểm soát ở mức hợp lý.

- Chỉ đạo TCTD tăng trưởng tín dụng hiệu quả; tập trung tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, nhất là các lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ. Kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro như bất động sản, chứng khoán,...; tăng cường quản lý rủi ro đối với các dự án BOT, BT giao thông, tiêu dùng⁵.

⁴ Năm 2016: khoảng 18-20%; năm 2017: khoảng 18%; năm 2018: khoảng 17%; năm 2019 và năm 2020: khoảng 14%.

⁵ (i) tiếp tục áp dụng hệ số rủi ro của các khoản cho vay kinh doanh BDS lên mức 200%, tăng hệ số rủi ro đối với khoản cho vay phục vụ đời sống mà tổng số tiền thỏa thuận vay từ 04 tỷ đồng trở lên, giảm dần theo lộ trình tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn; (ii) yêu cầu TCTD ban hành quy định nội bộ về cấp tín dụng, quản lý

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn trong tiếp cận tín dụng ngân hàng, tăng cường triển khai chương trình kết nối doanh nghiệp - ngân hàng, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tiếp cận vốn⁶.

- Quyết liệt triển khai nhiều giải pháp căn cơ, cụ thể nhằm mở rộng tín dụng có hiệu quả, tăng khả năng tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng cho người dân, doanh nghiệp, góp phần đẩy lùi tín dụng đen như: **(i)** Ban hành kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng triển khai Chỉ thị 12/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ nhằm hạn chế tín dụng đen⁷; **(ii)** Rà soát sửa đổi các quy định về cho vay tiêu dùng, cho vay phục vụ nhu cầu đời sống để tạo điều kiện cho các TCTD mở rộng các sản phẩm, kênh cho vay phù hợp với nhu cầu tiêu dùng của người dân; nghiên cứu sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện khuôn khổ pháp lý đối với các tổ chức TCVM và hệ thống QTDND, phát huy vai trò quan trọng trong việc gia tăng mức độ tiếp cận dịch vụ tài chính⁸; **(iii)** Chỉ đạo các TCTD phát triển các sản phẩm cho vay tiêu dùng⁹; đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian giải quyết cho vay; tăng cường kiểm tra, kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi tiếp tay cho các đối tượng cho vay nặng lãi...

Nhờ triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp nêu trên, từ năm 2016 đến nay, tín dụng đều có mức tăng trưởng dương ngay từ những tháng đầu năm và có mức tăng trưởng bình quân năm trên 16%¹⁰. Cơ cấu tín dụng có sự điều chỉnh tích cực, trong đó tín dụng tập trung vào lĩnh vực đóng góp tích cực cho tăng trưởng kinh tế như lĩnh vực SXKD¹¹, lĩnh vực ưu tiên¹²; tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro được kiểm soát

tiền vay đối với kinh doanh BĐS; (iii) yêu cầu TCTD phải kiểm soát dư nợ tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu/dư nợ tín dụng để đầu tư, kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp không vượt quá 5% vốn điều lệ; (iv) Hệ số rủi ro đối với các khoản phải đòi để đầu tư kinh doanh chứng khoán là 150%; (v) ban hành văn bản chỉ đạo cảnh báo về việc cho vay cầm cố sổ tiết kiệm, trái phiếu doanh nghiệp, kiểm soát chặt chẽ khoản vay, đặc biệt là kiểm soát mục đích sử dụng vốn vay và giải ngân vốn vay đối với các khoản vay có bảo đảm bằng cầm cố sổ tiết kiệm,...

⁶ Ngành Ngân hàng đã tổ chức các Hội nghị, buổi gặp gỡ, đối thoại để kết nối ngân hàng-doanh nghiệp trong năm 2016 là 733 cuộc; năm 2017 là 1.070 cuộc; năm 2018 là 1.500 cuộc. Riêng trong năm 2019, NHNN đã phối hợp với UBND các tỉnh, thành phố tổ chức 06 Hội nghị lớn về công tác tín dụng tại 03 thành phố lớn và 03 khu vực kinh tế trọng điểm, cùng với 350 cuộc gặp gỡ, đối thoại trên cả nước do NHNN Chi nhánh tỉnh, thành phố phối hợp với các TCTD trên địa bàn tổ chức. Trong những tháng đầu năm 2020, NHNN đã tổ chức Hội nghị tại 15 tỉnh, thành phố nhằm triển khai các giải pháp hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

⁷ Quyết định 1178/QĐ-NHNN ngày 31/5/2019.

⁸ Thông tư 39/2016/TT-NHNN, Thông tư 43/2016/TT-NHNN, Thông tư 18/2019/TT-NHNN.

⁹ Trong đó, chỉ đạo Agribank đẩy mạnh triển khai hơn nữa chương trình tín dụng tiêu dùng 5.000 tỷ đồng (món vay tiêu dùng tối đa 30 triệu đồng không có tài sản bảo đảm, xét duyệt, giải ngân trong ngày). Đến cuối tháng 6/2020 đã cho 328.818 lượt khách hàng vay vốn phục vụ đời sống, tiêu dùng, doanh số cho vay đạt 14.138 tỷ đồng, dư nợ đạt 2.389 tỷ đồng.

¹⁰ Tăng trưởng dư nợ tín dụng năm 2016: 18,25%; năm 2017: 18,28%; năm 2018: 13,89%; năm 2019: 13,65%.

¹¹ Giai đoạn 2016-2019, tín dụng đối với ngành công nghiệp bình quân tăng 9,17%/năm, chiếm trên 20% tổng dư nợ nền kinh tế; Tín dụng ngành xây dựng bình quân tăng 12,76%, chiếm 9,64%; Tín dụng ngành thương mại dịch vụ tăng trưởng ổn định đạt mức trung bình khoảng 18,6%, chiếm từ 57%-62,5%, trong đó, ngành Bán buôn, bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác là ngành có dư nợ cao nhất, chiếm từ 16,7%-20,5%. Tính đến cuối tháng 6/2020, tín dụng ngành công nghiệp tăng 3,98% so với cuối năm 2019, chiếm 19,1% tổng dư nợ nền kinh tế; tín dụng ngành xây dựng tăng 4,55%, chiếm 9,86%; tín dụng đối với ngành bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy và xe có động cơ khác tăng 3,25%, chiếm 20,4%.

¹² Bình quân giai đoạn 2016-2019, tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn tăng 19,83%, chiếm khoảng 22% tổng dư nợ nền kinh tế; doanh nghiệp nhỏ và vừa tăng 16,35%, chiếm 19%; lĩnh vực xuất khẩu tăng 7%, chiếm 3,2%; công nghiệp hỗ trợ tăng 19,57%, chiếm 2,81%; doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao tăng 2,6%, chiếm 0,42%.

- Tính đến cuối tháng 6/2020, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, dư nợ các lĩnh vực ưu tiên không tăng cao như cùng kỳ năm 2019, tín dụng lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn tăng 3,19%, chiếm 24,81%; doanh nghiệp nhỏ và vừa tăng 1,67%, chiếm 19,18%; lĩnh vực xuất khẩu tăng 4,72%, chiếm 2,95%; công nghiệp hỗ trợ giảm 1,15%, chiếm 2,69%; doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao giảm 0,23%, chiếm 0,36%.

chặt chẽ¹³. Những năm gần đây, tín dụng tăng trưởng phù hợp, được kiểm soát theo mục tiêu nhưng tăng trưởng kinh tế vẫn ở mức cao, cho thấy các giải pháp, chính sách tín dụng của NHNN đã đi đúng hướng, vừa đảm bảo mở rộng tín dụng hiệu quả, an toàn, cung ứng đủ vốn cho nền kinh tế, vừa phù hợp với mục tiêu kiểm soát lạm phát¹⁴.

Riêng những tháng đầu năm 2020, do tác động của dịch Covid-19, cầu tín dụng ở mức thấp, các TCTD đưa ra nhiều chương trình cho vay lãi suất ưu đãi, quy mô lớn nhưng nhu cầu vay vốn mở rộng sản xuất kinh doanh và tiêu dùng của khách hàng chững lại, việc rút vốn hạn chế. Đến ngày 5/8/2020, dư nợ tín dụng toàn hệ thống tăng 3,79% so với cuối năm 2019.

- Một số chương trình tín dụng đặc thù:

a) Hoàn thiện chính sách tín dụng nông nghiệp, nông thôn, chú trọng cho vay đối với lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao (NNCNC)

Để đẩy mạnh cho vay lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, NHNN đã trình Chính phủ ban hành Nghị định 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/18 sửa đổi bổ sung Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015, trong đó có nhiều chính sách ưu đãi, khuyến khích như: Nâng mức cho vay không có tài sản đảm bảo đối với hộ dân, hộ gia đình; bổ sung đối tượng được vay vốn, cho phép mở rộng cho vay không có tài sản đảm bảo (TSBĐ) tối đa lên đến 70% giá trị dự án, phương án sản xuất NNCNC đối với các doanh nghiệp có dự án sản xuất NNCNC nhưng không thuộc khu, vùng NNCNC, chưa được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp NNCNC; quy định khách hàng được sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay của dự án, phương án sản xuất kinh doanh ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp làm TSBĐ cho khoản vay; bổ sung quy định về quản lý dòng tiền cho vay liên kết trong sản xuất nông nghiệp để các TCTD thống nhất thực hiện, hạn chế rủi ro, đẩy mạnh cho vay,...

Bên cạnh việc ban hành chính sách, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Nghị quyết 30/NQ-CP ngày 7/3/2017, NHNN đã chỉ đạo các ngân hàng thương mại triển khai chương trình cho vay khuyến khích NNCNC, nông nghiệp sạch với lãi suất cho vay thấp hơn từ 0.5%-1.5% so với lãi suất cho vay thông thường¹⁵. Đến nay, doanh số cho vay lũy kế theo chương trình đạt khoảng 53.800 tỷ đồng, dư nợ trên 38.000 tỷ đồng với hơn 17.000 khách hàng còn dư nợ, tập trung vào lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chiếm khoảng 90% tổng dư nợ của chương trình.

¹³ - Dư nợ tín dụng lĩnh vực bất động sản tăng cao hơn mức tăng trưởng dư nợ tín dụng chung nhưng tập trung chủ yếu vào dư nợ phục vụ mục đích tự sử dụng. Tỷ trọng dư nợ tín dụng đối với mục đích kinh doanh BĐS trong tổng dư nợ lĩnh vực BĐS ngày càng giảm (31/12/2017 là 45,63%, 31/12/2018 là 35,49%, 31/12/2019 là 32,95%). Đến cuối tháng 6/2020, tín dụng đối với lĩnh vực BĐS tăng 5,69% so với cuối năm 2019, chiếm 19,71% tổng dư nợ tín dụng; trong đó, BĐS phục vụ mục đích kinh doanh tăng 11,18%, chiếm 34,66% tổng dư nợ tín dụng BĐS; BĐS phục vụ mục đích tự sử dụng tăng 3%, chiếm 65,34% tổng dư nợ tín dụng BĐS.

- Tăng trưởng tín dụng đối với lĩnh vực đầu tư kinh doanh chứng khoán qua các năm 2018 là 14,7%, năm 2019 là 7,49%, đến cuối tháng 6/2020, giảm 1,45%, chiếm 0,36%.

- Tăng trưởng tín dụng phục vụ đời sống đã được kiểm soát qua các năm: năm 2016 là 48%, năm 2017 là 36,07%; năm 2018 là 29,59%; năm 2019 là 19,49%, đến cuối tháng 6/2020 tăng 1,66%, chiếm 20,05%.

- Bình quân giai đoạn 2016-2019, dư nợ lĩnh vực BOT, BT giao thông tăng 10,82%, chiếm 1,51%, tốc độ tăng giảm mạnh qua các năm và tỷ trọng cũng có xu hướng giảm. Đến cuối tháng 6/2020, dư nợ lĩnh vực này tăng 0,49%, chiếm 1,31%.

¹⁴ Tăng trưởng tín dụng và GDP năm 2016 tương ứng là 18,25% và 6,21%; năm 2017 là 18,28% và 6,81%; năm 2018 là 13,89% và 7,08%; năm 2019 là 13,65% và 7,02%.

¹⁵ Quyết định 813/QĐ-NHNN ngày 24/4/2017.

b) Tình hình cho vay hỗ trợ ngư dân đánh bắt xa bờ theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ (Nghị định 67)

* Kết quả cho vay đóng mới, nâng cấp tàu theo Nghị định 67:

Kể từ khi Nghị định 67 có hiệu lực đến ngày 31/12/2017 (thời điểm dừng thực hiện ký kết mới hợp đồng cho vay đóng mới, nâng cấp tàu), các ngân hàng đã ký hợp đồng tín dụng đối với ngư dân để cho vay đóng mới, nâng cấp 1.177 tàu (1.031 tàu đóng mới và 146 tàu nâng cấp), chiếm 45,2% tổng số tàu cần đóng mới Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân bổ cho các địa phương giai đoạn 2014 - 2020, với tổng số tiền cam kết cho vay đạt trên 11.700 tỷ đồng. Dự nợ cho vay theo chương trình đến 30/6/2020 đạt 9.931 tỷ đồng với 1156 tàu.

Nợ xấu chương trình cho vay theo Nghị định 67 hiện nay là 35,4%, phát sinh do cả nguyên nhân khách quan bất khả kháng dẫn đến ngư dân không trả được nợ vay và nguyên nhân chủ quan do chủ tàu chây ỳ cố tình không trả nợ; năng lực khai thác của chủ tàu yếu kém; ngư trường khai thác không thuận lợi; phương tiện khai thác quá mới và hiện đại nên chủ tàu gặp nhiều khó khăn trong vận hành, kém hiệu quả; nguyên nhân khác¹⁶.

* Giải pháp của ngành Ngân hàng: Để triển khai chính sách vay vốn theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP đạt hiệu quả, hỗ trợ ngư dân gặp khó khăn trong trả nợ ngân hàng, NHNN đã kịp thời ban hành các Thông tư hướng dẫn¹⁷ và chỉ đạo, đơn đốc NHNN chi nhánh 28 tỉnh, thành phố ven biển và các NHTM đẩy mạnh triển khai thực hiện. Theo đó, các NHTM đã thực hiện các biện pháp tháo gỡ khó khăn như: (i) Cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho 299 khách hàng với số tiền 1396,84 tỷ đồng; (ii) Ưu tiên thu nợ gốc trước, nợ lãi sau đối với 29 khách hàng với dư nợ 291,7 tỷ đồng; (iii) Thực hiện cơ chế chuyển đổi chủ tàu trên cơ sở quyết định phê duyệt của UBND các tỉnh, thành phố ven biển đối với 11 trường hợp chủ tàu¹⁸ không còn đủ năng lực thực hiện dự án với dư nợ gần 60 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, để hạn chế nợ xấu gia tăng, đảm bảo triển khai hiệu quả chương trình, trên cơ sở báo cáo và đề xuất của NHNN, Chính phủ đã giao Bộ NN&PTNT, Bộ Tài chính kịp thời rà soát, xử lý các kiến nghị về hoàn thiện cơ chế chính sách; chỉ đạo các Sở, ngành địa phương hỗ trợ ngành Ngân hàng trong việc quản lý dòng tiền, thu hồi nợ vay; quản lý, thu giữ và xử lý tài sản bảo đảm; bồi hoàn bảo hiểm khi rủi ro xảy ra; đồng thời, giao Bộ NN&PTNT đầu mối nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Nghị định 67. Hiện NHNN đang phối hợp với Bộ NN&PTNT trong việc nghiên cứu các nội dung sửa đổi, bổ sung những nội dung liên quan đến ngành ngân hàng tại Nghị định 67.

c) Các giải pháp tín dụng nhằm tháo gỡ khó khăn cho các khách hàng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh (dịch tả lợn Châu Phi, Covid 19, hạn mặn...)

* NHNN đã chỉ đạo các TCTD cân đối vốn nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn; có giải pháp tháo gỡ, chia sẻ khó khăn với người dân, doanh nghiệp bị thiệt

¹⁶ Như: lựa chọn ngành nghề chưa phù hợp, khách hàng không mua bảo hiểm theo quy định, công tác xác nhận thiệt hại chậm trễ; quá trình giải quyết bồi thường bảo hiểm nhiều tranh chấp.

¹⁷ Thông tư số 22/2014/TT-NHNN ngày 15/8/2014, Thông tư số 21/2015/TT-NHNN ngày 16/11/2015, Thông tư số 12/2018/TT-NHNN ngày 27/4/2018.

¹⁸ Tại các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Kiên Giang, Tiền Giang.

hại do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng, thiên tai, dịch bệnh trên phạm vi rộng như: dịch tả lợn Châu Phi¹⁹, hiện tượng tiêu chết tại các tỉnh Tây Nguyên²⁰, giảm giá lúa gạo vụ Đông Xuân 2019 tại Đồng bằng Sông Cửu Long²¹,...

* *Đối với hạn hán, xâm nhập mặn tại ĐBSCL*: NHNN đã làm việc trực tuyến với đại diện Lãnh đạo UBND, UBMTTQ của 05 tỉnh nhằm đánh giá tình hình thiệt hại, khó khăn do hạn mặn gây ra. Đồng thời, có công văn chỉ đạo các TCTD và NHNN chi nhánh 13 tỉnh, thành phố ĐBSCL chủ động nắm bắt tình hình thiệt hại và có biện pháp tháo gỡ khó khăn cho khách hàng. Các TCTD đã kịp thời triển khai các giải pháp hỗ trợ khách hàng, cụ thể: (i) Cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho 1.833 khách hàng với dư nợ trên 2.083 tỷ đồng; (ii) Miễn giảm lãi vay cho 627 khách hàng với số tiền gần 1,9 tỷ đồng; (iii) Tiếp tục cho vay mới để khôi phục sản xuất đối với 924 khách hàng với doanh số cho vay đạt trên 740 tỷ đồng; (iv) Riêng NHCSXH đã và đang thực hiện khoan nợ cho 278 khách hàng với dư nợ trên 4,1 tỷ.

* *Đối với dịch bệnh Covid-19*: ngành Ngân hàng đã chủ động vào cuộc kịp thời để triển khai có hiệu quả các giải pháp cấp bách nhằm ứng phó và khắc phục khó khăn do tác động của dịch bệnh đối với nền kinh tế như:

- Chủ động ban hành các văn bản và tổ chức làm việc trực tiếp với các TCTD để yêu cầu rà soát, đánh giá mức độ ảnh hưởng của dịch đối với khách hàng, xây dựng các chương trình, kịch bản hành động của ngân hàng.

- Khẩn trương ban hành Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 12/3/2020, Chỉ thị số 02/CT-NHNN ngày 31/3/2020, Công điện số 02/CĐ-NHNN ngày 11/3/2020 yêu cầu các TCTD cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi vay, giữ nguyên nhóm nợ, hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 phát sinh nợ phải trả từ ngày 23/01/2020 đến sau khi Thủ tướng công bố hết dịch 03 tháng²²; Thông tư số 05/2020/TT-NHNN ngày 07/5/2020 và Quyết định số 925/QĐ-NHNN ngày 13/5/2020 về tái cấp vốn (tối đa 16.000 tỷ đồng) đối với NHCSXH theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg về thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19.

¹⁹ Đến cuối tháng 06/2020, dư nợ cho vay ngành chăn nuôi lợn toàn quốc đạt khoảng 53.328,96 tỷ đồng (chăn nuôi lợn 33.927,61 tỷ đồng, thức ăn chăn nuôi 18.325,35 tỷ đồng, thuốc thú y 1.075,99 tỷ đồng), dư nợ bị thiệt hại do ảnh hưởng của dịch tả lợn Châu Phi là 1.445,6 tỷ đồng (trong đó chủ yếu là dư nợ cho vay nuôi lợn bị thiệt hại 1.485,07 tỷ đồng). Đến nay các TCTD đã hỗ trợ người chăn nuôi lợn tại 63 tỉnh/thành phố đang có dịch thông qua các biện pháp: cơ cấu lại thời hạn trả nợ 622,47 tỷ đồng; miễn, giảm lãi vay 176,71 tỷ đồng; cho vay mới phục hồi sản xuất kinh doanh 660,22 tỷ đồng, biện pháp khác (ưu tiên thu gốc trước, lãi sau...) 25,67 tỷ đồng.

²⁰ Đến cuối tháng 6/2020, dư nợ tín dụng đối với ngành hồ tiêu đạt 15.313 tỷ đồng, giảm 7,43% so với cuối năm 2019. Dư nợ thiệt hại do hồ tiêu chết tại khu vực Tây Nguyên là 2.740 tỷ đồng, chiếm 22,6% tổng dư nợ cho vay hồ tiêu tại khu vực Tây Nguyên. Các TCTD đã hỗ trợ khách hàng vay vốn trồng hồ tiêu tại Tây Nguyên số tiền là 1.679 tỷ đồng thông qua các biện pháp như: cơ cấu lại nợ là 398,5 tỷ đồng; điều chỉnh giảm lãi suất là 248,5 tỷ đồng; cho vay mới khôi phục sản xuất kinh doanh là 1.032 tỷ đồng; khoan nợ khoản vay tại NHCSXH là 122 triệu đồng.

²¹ Ngành Ngân hàng đã hỗ trợ các doanh nghiệp, thương nhân để tập trung thu mua lúa gạo Vụ Đông Xuân 2019 với doanh số giải ngân gần 17.000 tỷ đồng để thu mua gần 2,7 triệu tấn lúa gạo, góp phần hạn chế đã giảm giá lúa gạo, đảm bảo đời sống bà con nông dân. Riêng các NHTM nhà nước đã tiên phong hạ lãi suất cho vay ngắn hạn xuống còn 6%/năm để hỗ trợ các doanh nghiệp thu mua lúa gạo.

²² Đến 27/7/2020, tất cả các TCTD, kể cả công ty tài chính, ngân hàng nước ngoài đều vào cuộc mạnh mẽ, đã cơ cấu lại thời hạn trả nợ giữ nguyên nhóm nợ cho 265.358 khách hàng với dư nợ 261.671 tỷ đồng, miễn, giảm, hạ lãi suất cho 446.315 khách hàng với dư nợ 1.218.326 tỷ đồng, cho vay mới lãi suất ưu đãi với doanh số lũy kế từ 23/1 đến nay đạt 1.281.941 tỷ đồng cho 267.294 khách hàng, lãi suất thấp hơn phổ biến từ 0,5 – 2,5% so với trước dịch. Riêng NHCSXH đã thực hiện gia hạn nợ cho 154.635 khách hàng với dư nợ 3.895 tỷ đồng, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ cho 75.209 khách hàng với dư nợ 1.567 tỷ đồng, cho vay mới đối với 1.270.172 khách hàng với dư nợ 47.143 tỷ đồng.

- Các TCTD đã giảm lãi suất huy động và cho vay đối với khách hàng; một số TCTD đã chủ động thông báo triển khai các chương trình cho vay với lãi suất ưu đãi để hỗ trợ doanh nghiệp chịu ảnh hưởng bởi dịch²³.

- Có chính sách miễn, giảm phí thanh toán như: (i) Ban hành Thông tư 04/2020/TT-NHNN ngày 31/03/2020, trong đó điều chỉnh giảm 50% phí dịch vụ thanh toán qua Hệ thống TTĐTLNH (từ ngày 01/4/2020 đến 31/12/2020)²⁴ và Quyết định số 978/QĐ-NHNN ngày 20/5/2020 hoàn phí giao dịch của NHCSXH khi thực hiện giải ngân cho vay theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg; (ii) 02 lần liên tiếp chỉ đạo NAPAS, các TCTD miễn, giảm phí giao dịch thanh toán cho khách hàng²⁵.

Ngoài ra, NHNN đã chỉ đạo các TCTD miễn phí chuyển tiền ủng hộ phòng, chống dịch Covid-19 và hạn hán, xâm nhập mặn qua tài khoản ngân hàng và miễn phí dịch vụ thanh toán cho các đối tượng nhận hỗ trợ theo Nghị Quyết số 42 và Quyết định số 15/220/QĐ-TTg ngày 24/4/2020.

d) Về việc phát triển và quản lý nhà ở xã hội theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP của Chính phủ (Nghị định số 100)

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị định số 100, NHNN đã ban hành đầy đủ các văn bản hướng dẫn về cho vay²⁶, chỉ định 04 NHTM Nhà nước tham gia thực hiện chương trình, quyết định về lãi suất cho vay; đồng thời, có văn bản chỉ đạo NHCSXH²⁷: (i) hướng dẫn nội dung huy động tiền gửi tiết kiệm, xây dựng quy trình, thủ tục cho vay phù hợp với quy định tại Nghị định 100; (ii) trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định lãi suất cho vay ưu đãi thực hiện chính sách nhà ở xã hội trong từng thời kỳ. Bên cạnh đó, NHNN đã phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành liên quan xây dựng trình Chính phủ về việc cấp nguồn vốn ngân sách thực hiện cho vay nhà ở xã hội, văn bản hướng dẫn về cấp bù lãi suất²⁸.

(i) Đối với các TCTD được chỉ định: tự huy động vốn, được ngân sách nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất. Tuy nhiên, các TCTD được chỉ định chưa thực hiện triển khai cho vay theo Nghị định 100/2015/NĐ-CP do chưa được bố trí nguồn ngân sách cấp bù chênh lệch lãi suất.

²³ Vietcombank giảm 1%/năm đối với dư nợ vay VND ngắn hạn; giảm 1,5%/năm đối với dư nợ vay VND trung dài hạn; giảm 0,5%/năm với dư nợ USD ngắn hạn; giảm 0,75%/năm với dư nợ USD trung dài hạn; cho vay mới giảm tới 1%/năm với VND và 0,5%/năm với USD. Vietinbank triển khai gói tín dụng ưu đãi lãi suất VND là 5,9%; hỗ trợ DN lãi suất chỉ từ 5% VND và từ 2,8% USD; Chương trình cho vay VND trung dài hạn lãi suất cố định tối thiểu 8,1%/năm. VPBank giảm lãi suất cho vay tới 1,5%/năm với khoản vay không có tài sản bảo đảm cho doanh nghiệp chịu tác động lớn của dịch...

²⁴ Ước tính nếu số lượng giao dịch thanh toán qua Hệ thống TTĐTLNH như năm 2019 thì đến hết năm 2020, tổng số phí thanh toán mà NHNN giảm sẽ vào khoảng 285 tỷ đồng.

²⁵ Chỉ đạo các TCTD: (i) miễn phí đối với giao dịch thanh toán trực tuyến các dịch vụ công và giảm phí dịch vụ chuyển tiền nhanh liên ngân hàng cho các giao dịch có giá trị nhỏ từ 500.000 đồng/giao dịch trở xuống; (ii) giảm phí dịch vụ chuyển tiền nhanh liên ngân hàng cho các giao dịch có giá trị từ 500.001 – 2.000.000 đồng. Đến nay, đã có 100% các ngân hàng tham gia thực hiện chính sách miễn, giảm phí cho khách hàng đối với giao dịch giá trị nhỏ (từ 2 triệu đồng trở xuống) và khoảng 63% giao dịch thanh toán qua NAPAS được áp dụng chính sách miễn hoặc giảm phí, trong đó có hơn 50% các giao dịch nhỏ của khách hàng được miễn phí. Ước tính dự kiến tổng số phí mà các ngân hàng giảm cho khách hàng tính đến hết năm 2020 cho cả 02 lần giảm phí là 1.004 tỷ đồng (lần 1 là 517 tỷ đồng và lần 2 là 487 tỷ đồng).

²⁶ Thông tư số 25/2015/TT-NHNN hướng dẫn cho vay NOXH theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP.

²⁷ Công văn số 9496/NHNN-TD ngày 10/12/2015.

²⁸ Ngày 02/04/2018, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quyết định số 18/2018/QĐ-TTg về hướng dẫn cấp bù chênh lệch lãi suất thực hiện chính sách cho vay nhà ở xã hội theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP.

(ii) Đối với NHCSXH: Đến 31/7/2020, dư nợ cho vay nhà ở xã hội đạt 3.559 tỷ đồng với 10.723 khách hàng dư nợ. Ngân sách bố trí vốn cho NHCSXH để cho vay NOXH theo Nghị định 100 giai đoạn 2016-2020 là 2.163,22 tỷ đồng. Đến nay, Bộ Tài chính đã cấp 1.163 tỷ đồng cho NHCSXH để cho vay...

Tại Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 9/4/2020, Chính phủ đã giao Bộ KHĐT cân đối thêm 1.000 tỷ đồng cho NHCSXH theo Nghị quyết số 71/2018/QH14 và bổ sung 2.000 tỷ để cấp bù lãi suất cho 04 NHTM do NHNN chỉ định để thực hiện hỗ trợ cho vay nhà ở xã hội. Trên cơ sở đó, Bộ KHĐT phối hợp Bộ Tài chính báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt. NHNN sẽ theo dõi, phối hợp với các Bộ ngành có liên quan để kịp thời hướng dẫn các NHTM thực hiện khi có quyết định bố trí nguồn vốn ngân sách của cấp có thẩm quyền.

đ) Các giải pháp kiểm soát hoạt động cho vay các dự án BOT, BT giao thông

Bám sát chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ, NHNN đã theo dõi sát sao tình hình cấp tín dụng đối với các dự án BOT, BT giao thông, đồng thời chỉ đạo các TCTD: (i) Kiểm soát chặt chẽ, mức độ tập trung tín dụng vào các dự án BOT, BT giao thông. Tăng cường kiểm soát rủi ro trong việc cho vay đối với các dự án BOT giao thông; (ii) Tăng cường cho vay hợp vốn đối với các dự án lớn nhằm chia sẻ rủi ro, đảm bảo các chỉ tiêu an toàn theo quy định; (iii) Thường xuyên nắm bắt thông tin về dự án, khách hàng vay vốn, phối hợp với khách hàng để giải quyết khó khăn, vướng mắc²⁹.

3. Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động ngân hàng (Nghị quyết số 113/2015/QH13, Nghị quyết số 55/2017/QH14)

Từ năm 2016 đến nay, NHNN tiếp tục tập trung hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, cơ chế chính sách, tạo hành lang pháp lý đầy đủ để bảo đảm hệ thống ngân hàng hoạt động an toàn, xử lý các ngân hàng yếu kém, từng bước áp dụng chuẩn mực quốc tế vào hoạt động ngân hàng, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người gửi tiền, củng cố lòng tin của người dân vào hệ thống ngân hàng. Theo đó, NHNN đã trình Quốc hội, Chính phủ/Thủ tướng Chính phủ ban hành 01 Luật, 01 Nghị quyết, 15 Nghị định, 04 Quyết định; ban hành 167 Thông tư, cỤ thể:

a) Về các cơ chế, chính sách hỗ trợ cơ cấu lại TCTD, xử lý nợ xấu, bảo đảm an ninh, an toàn, ổn định trong hoạt động ngân hàng

- *Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các TCTD*: NHNN đã chủ động tham mưu, trình Chính phủ trình Quốc hội thông qua Nghị quyết 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 về thí điểm xử lý nợ xấu của các TCTD, góp phần giải quyết khó khăn, vướng mắc, bất cập trong các quy định của pháp luật về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của TCTD, VAMC, đảm bảo quyền chủ nợ hợp pháp của TCTD, VAMC cũng như thúc đẩy nhanh quá trình xử lý nợ xấu trong hệ thống ngân hàng. Để triển khai Nghị quyết số 42/2017/QH14 có hiệu quả, NHNN đã ban hành Chỉ thị số 06/CT-NHNN ngày 20/7/2017 và các văn bản sửa đổi, bổ sung các

²⁹ Trong năm 2019, 04 TCTD đã ký hợp đồng tín dụng tài trợ 6.686 tỷ đồng thực hiện dự án cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận. Hiện nay, các TCTD đang thực hiện giải ngân theo tiến độ dự án.

quy định về mua, bán và xử lý nợ xấu của VAMC³⁰ nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý tạo tiền đề để VAMC đẩy mạnh hoạt động mua bán nợ theo cơ chế thị trường.

- *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các TCTD*: Trong năm 2017, NHNN đã xây dựng, trình Chính phủ trình Quốc hội thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các TCTD (Luật số 17/2017/QH14). Sau khi Luật được thông qua, NHNN đã ban hành/trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy định chi tiết Luật (bao gồm 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và 03 Thông tư), đồng thời tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung 13 Thông tư để đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất với quy định tại Luật.

Việc ban hành Luật số 17/2017/QH14 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật đã hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho hoạt động xử lý, phục hồi các TCTD yếu kém bằng các hình thức phù hợp với cơ chế thị trường trên nguyên tắc thận trọng, bảo đảm quyền lợi của người gửi tiền và giữ vững sự ổn định, an toàn hệ thống, phát hiện, ngăn ngừa có hiệu quả việc phát sinh mới các TCTD yếu kém, đồng thời bổ sung các quy định nhằm xử lý triệt để hơn tình trạng sở hữu chéo, vốn ảo trong hoạt động của các TCTD.

- *Ban hành các chính sách nâng cao năng lực quản trị, năng lực điều hành, chú trọng quản trị rủi ro, bảo đảm an toàn hoạt động ngân hàng*: NHNN cũng đã tiến hành sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định về tổ chức, hoạt động của các TCTD, quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng theo hướng nâng cao năng lực quản trị, điều hành của TCTD và giảm thiểu rủi ro trong hoạt động ngân hàng tiệm cận với các tiêu chuẩn quốc tế, điển hình như quy định về: hệ thống kiểm soát nội bộ của NHTM, chi nhánh NHNN³¹; tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh NHNN³²; giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của TCTD, chi nhánh NHNN³³; xếp hạng TCTD, chi nhánh NHNN và QTDND³⁴...

- *Tăng cường năng lực thể chế trong hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng*: Nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác thanh tra, giám sát ngân hàng, NHNN đã: (i) Hoàn thiện mô hình tổ chức và hoạt động của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng theo hướng tinh gọn, hiệu quả³⁵; (ii) Ban hành quy định về trình tự, thủ tục thanh tra³⁶, giám sát ngân hàng³⁷, trong đó có quy định về áp dụng can thiệp sớm trong giám sát ngân hàng, bảo đảm theo dõi, đôn đốc, đánh giá kịp thời phương án khắc phục của đối tượng giám sát ngân hàng. Đồng thời, nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập của quy định hiện hành về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng,

³⁰ Thông tư số 09/2017/TT-NHNN ngày 14/8/2017, Thông tư số 32/2019/TT-NHNN ngày 31/12/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN về mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam.

³¹ Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018; Thông tư số 40/2018/TT-NHNN ngày 28/12/2018.

³² Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016.

³³ Thông tư 06/2016/TT-NHNN ngày 27/5/2016; Thông tư 19/2017/TT-NHNN ngày 28/12/2017; Thông tư số 16/2018/TT-NHNN ngày 31/7/2018; Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019.

³⁴ Thông tư số 52/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018; Thông tư số 42/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016.

³⁵ Nghị định số 43/2019/NĐ-CP ngày 17/5/2019 về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07/4/2014 về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng; Quyết định số 20/2019/QĐ-TTg ngày 12/6/2019 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của CQTTGSNH trực thuộc NHNN; Thông tư số 08/2019/TT-NHNN ngày 04/7/2019 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 03/2015/TT-NHNN về tổ chức, hoạt động của Thanh tra, giám sát ngân hàng.

³⁶ Thông tư số 36/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Thông tư số 10/2019/TT-NHNN ngày 31/7/2019.

³⁷ Thông tư số 08/2017/TT-NHNN ngày 01/8/2017; Thông tư số 04/2018/TT-NHNN ngày 12/3/2018.

NHNN đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 thay thế Nghị định số 96/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014.

- *Rà soát, sửa đổi quy định về hoạt động của hệ thống quỹ tín dụng nhân dân (QTDND)*: Trong giai đoạn 2016 đến nay, hệ thống văn bản về ngân hàng Hợp tác xã, QTDND và quỹ bảo đảm an toàn hệ thống QTDND được rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới đầy đủ, đảm bảo thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành³⁸, nâng cao hiệu quả chất lượng hoạt động của QTDND, đáp ứng nhu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn mới hiện nay ở Việt Nam.

b) Các văn bản quy phạm pháp luật khác

NHNN đã hoàn thiện hệ thống pháp lý về thanh toán với việc ban hành gần 20 Thông tư như quy định về: dịch vụ trung gian thanh toán³⁹, mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán⁴⁰, hoạt động cung ứng và sử dụng phương tiện thanh toán⁴¹, giám sát các hệ thống thanh toán⁴², tiêu chuẩn kỹ thuật trong thanh toán⁴³, phí dịch vụ thanh toán⁴⁴,... NHNN hiện đang tập trung hoàn thiện dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 101/2012/NĐ-CP về thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM) để gửi Bộ Tư pháp thẩm định trước khi trình Chính phủ.

Ngoài ra, NHNN cũng đã hoàn thiện các quy định liên quan đến đơn giản hóa, cắt giảm điều kiện kinh doanh⁴⁵, công tác quản lý ngoại hối⁴⁶ tạo điều kiện thuận lợi và bảo đảm bảo lợi ích hợp pháp cho tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động ngoại hối phù hợp với yêu cầu thực tiễn, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, đồng thời vẫn đảm bảo mục tiêu quản lý của nhà nước về ngoại hối.

4. Tái cơ cấu, xử lý nợ xấu và tăng cường thanh tra, giám sát ngân hàng
(*Nghị quyết số 113/2015/QH13, Nghị quyết số 55/2017/QH14*)

a) Tiếp tục triển khai quyết liệt, hiệu quả Đề án “cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020” (Đề án 1058)

³⁸ Thông tư số 09/2016/TT-NHNN ngày 17/6/2016; Thông tư số 06/2017/TT-NHNN ngày 05/7/2017; Thông tư số 05/2018/TT-NHNN ngày 12/3/2018; Thông tư số 21/2019/TT-NHNN ngày 14/11/2019; Thông tư số 23/2018/TT-NHNN ngày 14/9/2018.

³⁹ Thông tư số 20/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016, Thông tư 30/2016/TT-NHNN ngày 14/10/2016, Thông tư 23/2019/TT-NHNN ngày 22/11/2019.

⁴⁰ Thông tư số 32/2016/TT-NHNN ngày 26/12/2016, Thông tư số 02/2019/TT-NHNN ngày 28/2/2019.

⁴¹ Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016, Thông tư số 30/2016/TT-NHNN ngày 14/10/2016, Thông tư số 26/2017/TT-NHNN ngày 29/12/2017, Thông tư số 41/2018/TT-NHNN ngày 28/12/2018, Thông tư số 28/2019/TT-NHNN ngày 25/12/2019, Thông tư số 20/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016, Thông tư số 44/2018/TT-NHNN ngày 28/12/2018.

⁴² Thông tư số 20/2018/TT-NHNN ngày 30/8/2018.

⁴³ Quyết định số 1927/QĐ-NHNN ngày 5/10/2018 công bố tiêu chuẩn cơ sở về thẻ chip nội địa, Quyết định 1928/QĐ-NHNN ngày 5/10/2018 công bố Tiêu chuẩn cơ sở “Đặc tả kỹ thuật QR Code hiển thị từ phía Đơn vị chấp nhận thanh toán tại Việt Nam”.

⁴⁴ Thông tư số 33/2018/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung Thông tư số 26/2013/TT-NHNN ngày 05/12/2013 về Biểu phí dịch vụ thanh toán qua NHNN.

⁴⁵ Nghị định 16/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của NHNN; Thông tư số 17/2018/TT-NHNN ngày 14/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư quy định về cấp giấy phép, mạng lưới hoạt động và hoạt động của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

⁴⁶ 01 Nghị định, 01 Quyết định, 22 Thông tư, trong đó: Nghị định số 89/2016/NĐ-CP về điều kiện đối với hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ; Thông tư số 03/2017/TT-NHNN về quản lý hoạt động kinh doanh vàng; Thông tư số 03/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2013/TT-NHNN về hạn chế sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam; Thông tư số 06/2019/TT-NHNN về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam;...

Bám sát các giải pháp, nhiệm vụ được giao tại Đề án 1058, NHNN đã tham mưu Thủ tướng Chính phủ thành lập Ban chỉ đạo cơ cấu lại hệ thống các TCTD; đồng thời ban hành Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng triển khai thực hiện Đề án (Quyết định số 1553/QĐ-NHNN ngày 20/7/2017).

- *Đối với các NHTM do nhà nước nắm giữ từ trên 50% vốn điều lệ (NHTMNN) (không bao gồm 03 NHTM mua bắt buộc):* tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong hệ thống các TCTD, tích cực tham gia hỗ trợ, xử lý các TCTD yếu kém. NHNN giám sát chặt chẽ việc triển khai giải pháp cơ cấu lại của các NHTMNN, kịp thời yêu cầu rà soát, điều chỉnh phương án phù hợp với thực tiễn hoạt động để khắc phục các tồn tại, yếu kém. Đến cuối tháng 6/2020, vốn điều lệ của 04 NHTMNN (Agribank, Vietcombank, Vietinbank, BIDV) đạt 145,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 23,2% toàn hệ thống, tăng 6,3% so với cuối năm 2016; tổng tài sản đạt 5.327,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 41,5% toàn hệ thống, tăng 40% so với cuối năm 2016.

Để tăng cường năng lực tài chính cho các NHTMNN, bảo đảm thực hiện đúng các quy định về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu đáp ứng mức đủ vốn theo chuẩn mực vốn Basel II (phương pháp tiêu chuẩn), NHNN đã tích cực chỉ đạo các ngân hàng này thực hiện đồng bộ các giải pháp để bù đắp vốn thiếu hụt. Căn cứ nhu cầu tăng vốn rất cấp thiết của các NHTMNN, trên cơ sở thống nhất với các Bộ liên quan (Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp), NHNN đã báo cáo các cấp có thẩm quyền về Phương án tăng vốn điều lệ cho các NHTMNN. Nội dung liên quan đến tăng vốn điều lệ cho Agribank từ nguồn ngân sách nhà nước đã được Quốc hội thông qua và đưa vào Nghị quyết số 122/2020/QH14 của Kỳ họp thứ 9, Quốc hội Khóa XIV. Theo đó, NHNN đang phối hợp với Bộ Tài chính để thực hiện các thủ tục bổ sung vốn điều lệ cho Agribank từ ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp (Luật số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội) và Nghị định số 91/2015/NĐ-CP. Hiện NHNN đang chỉ đạo các NHTMNN xây dựng Phương án tăng vốn giai đoạn 2021 - 2026, trong đó, xác định nhu cầu tăng vốn và đề xuất các giải pháp tăng vốn, bao gồm cả nguồn ngân sách nhà nước cấp bổ sung.

- *Đối với các NHTMCP:* NHNN tiếp tục giám sát các NHTMCP thực hiện Phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt, đồng thời yêu cầu một số ngân hàng rà soát tình hình triển khai, đề xuất sửa đổi, bổ sung phương án cơ cấu lại để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt nhằm khắc phục triệt để các tồn tại, hạn chế trong hoạt động.

Các NHTMCP đều tập trung củng cố, chấn chỉnh toàn diện các mặt tài chính, quản trị, xử lý nợ xấu, tăng cường các biện pháp kiểm soát nhằm nâng cao chất lượng tín dụng, hiệu quả kinh doanh và năng lực cạnh tranh. Đến tháng 6/2020, vốn điều lệ của NHTMCP đạt 290,1 nghìn tỷ đồng, chiếm 46,4% toàn hệ thống, tăng 44,4% so với cuối năm 2016; tổng tài sản đạt 5.429,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 42,3% toàn hệ thống, tăng 58,6% so với cuối năm 2016.

- *Đối với 03 NHTM mua bắt buộc và Ngân hàng Đông Á (DAB):* Trên cơ sở chủ trương, định hướng của các cấp có thẩm quyền và căn cứ quy định pháp luật, NHNN đã tập trung chỉ đạo 03 ngân hàng mua bắt buộc và DAB xây dựng, hoàn thiện phương án cơ cấu lại/phương án phục hồi, chủ động, tích cực tìm kiếm đối tác, đàm phán với các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài có nguyện vọng tham gia cơ

cấu lại. Đồng thời, NHNN đã tích cực chỉ đạo các ngân hàng mua bắt buộc sắp xếp lại mạng lưới hoạt động, tiết giảm chi phí, triển khai các hoạt động kinh doanh an toàn... trên nguyên tắc quyết liệt, thận trọng, chặt chẽ. Trên cơ sở đó, NHNN đã báo cáo các cấp có thẩm quyền về phương án xử lý 03 ngân hàng mua bắt buộc và DAB.

- *Đối với hệ thống QTDND*: NHNN đã tập trung chỉ đạo các đơn vị trong Ngành triển khai các giải pháp nhằm tăng cường củng cố hệ thống QTDND, tập trung xử lý QTDND yếu kém; chỉ đạo NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố theo dõi, kiểm tra, giám sát chặt chẽ quá trình triển khai thực hiện phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu đến năm 2020 của các QTDND trên địa bàn. Theo đó, NHNN đã ban hành Chỉ thị số 06/CT-NHNN ngày 02/10/2018 về việc chấn chỉnh, tăng cường phòng, chống, ngăn ngừa vi phạm pháp luật nhằm đảm bảo an ninh, an toàn hoạt động trong hệ thống QTDND. Đồng thời, trong năm 2019, NHNN đã ban hành Đề án củng cố và phát triển hệ thống QTDND đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 06/CT-TTg ngày 12/3/2019 về tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo an toàn hoạt động, củng cố vững chắc hệ thống QTDND. Hiện NHNN đang tích cực chỉ đạo xử lý các QTDND yếu kém theo nguyên tắc bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người gửi tiền, hạn chế tối đa ảnh hưởng đến sự ổn định an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và bảo đảm an toàn hệ thống QTDND.

Đến nay, về cơ bản hoạt động của hệ thống QTDND tương đối ổn định; các chỉ tiêu cơ bản đều tăng trưởng; các QTDND kinh doanh có lãi; nợ xấu chiếm tỷ lệ thấp; công tác phát triển, củng cố lại thành viên tiếp tục được quan tâm. Các QTDND phát huy được vai trò trong công tác huy động vốn, cho vay, hỗ trợ cho các thành viên trên địa bàn phát triển sản xuất - kinh doanh, nâng cao đời sống của người dân, góp phần không nhỏ vào việc xóa đói giảm nghèo và phát triển kinh tế địa phương, hạn chế tín dụng đen⁴⁷.

- *Đối với tài chính vi mô (TCVM)*⁴⁸: Hoạt động của tổ chức TCVM trong thời gian qua đã có những hiệu quả nhất định trong việc hỗ trợ, nâng cao đời sống của người dân, góp phần xóa đói, giảm nghèo và hạn chế tín dụng đen. NHNN tiếp tục hoàn thiện các quy định về tổ chức tài chính vi mô⁴⁹ để nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác quản lý nhà nước và tạo điều kiện cho các chương trình, dự án tài chính vi mô hoạt động lành mạnh, hiệu quả.

Nhờ triển khai các giải pháp quyết liệt, đồng bộ nêu trên, công tác cơ cấu lại hệ thống các TCTD và xử lý nợ xấu đã đạt được nhiều kết quả tích cực, cụ thể:

⁴⁷ Đến cuối tháng 6/2020, tổng nguồn vốn của toàn hệ thống QTDND trên địa bàn tỉnh, thành phố là 136,1 nghìn tỷ đồng, tăng 7,6% so với năm 2019; trong đó, tổng nguồn vốn huy động từ dân cư, tổ chức kinh tế đạt 119 nghìn tỷ đồng, tăng 11,6% so với năm 2019. Vốn điều lệ đạt 5 nghìn tỷ đồng tăng 6,3% so với năm 2019. Tổng dư nợ đạt 98,6 nghìn tỷ đồng giảm 1,8% so với năm 2019; trong đó cho vay ngắn hạn đạt 72,4 nghìn tỷ đồng, cho vay trung và dài hạn đạt 2,26 nghìn tỷ đồng. Kết quả kinh doanh (chênh lệch thu-chi lũy kế) toàn hệ thống đạt 797,6 tỷ đồng.

⁴⁸ Hiện nay, toàn hệ thống có 04 tổ chức TCVM (Tinh Thương, M7, Thanh Hóa và CEP) có trụ sở chính tại 03 địa bàn tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hồ Chí Minh và Thanh Hóa; mạng lưới hoạt động tại 61 chi nhánh thuộc 25 tỉnh, thành phố trên cả nước.

⁴⁹ Ban hành Thông tư số 19/2019/TT-NHNN ngày 05/11/2019 về mạng lưới hoạt động của tổ chức TCVM; tiến hành rà soát, đánh giá, tổng kết 2 năm việc thực hiện Quyết định 20/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về hoạt động của chương trình, dự án TCVM của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức phi chính phủ để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, bảo đảm phù hợp thực tiễn.

- *Quy mô hệ thống các TCTD tiếp tục tăng*: Đến cuối tháng 6/2020, tổng tài sản đạt 12,85 triệu tỷ đồng, tăng 51,1% so với cuối năm 2016.

- *Năng lực tài chính của các TCTD được củng cố, vốn điều lệ tăng dần qua các năm; chất lượng quản trị, điều hành của các TCTD từng bước được nâng cao để tiệm cận với thông lệ quốc tế*: Đến cuối tháng 6/2020, vốn điều lệ của toàn hệ thống đạt 625,4 nghìn tỷ đồng, tăng 28,1% so với cuối năm 2016; vốn chủ sở hữu của toàn hệ thống đạt 968,7 nghìn tỷ đồng, tăng 62,8% so với cuối năm 2016.

- *Việc triển khai Chuẩn mực vốn Basel II tiếp tục được tập trung thực hiện để đáp ứng các thông lệ quốc tế về an toàn vốn*. Nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý triển khai Basel II tại Việt Nam, NHNN đã ban hành Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 hướng dẫn về lệ an toàn vốn theo Phương pháp tiêu chuẩn của Basel II (hiệu lực từ 01/01/2020). Theo đó, ngân hàng thương mại, chi nhánh NHNN phải duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu là 8% (được xác định trên cơ sở yêu cầu bổ sung vốn có tính đến rủi ro hoạt động và rủi ro thị trường thay vì chỉ yêu cầu vốn tính đến rủi ro tín dụng như quy định tại Basel I). Đến nay, hầu hết các TCTD đã áp dụng tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN, trong đó đến hết năm 2019, 18 TCTD đã được NHNN chấp thuận áp dụng trước thời hạn tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN; hoàn thành chỉ tiêu 12-15 TCTD đạt chuẩn Basel II về an toàn vốn vào năm 2020. Còn một số TCTD đề nghị được áp dụng tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư số 22/2019/TT-NHNN⁵⁰.

- *Các TCTD đã ý thức và chú trọng hơn trong việc quản trị rủi ro và tăng cường tính minh bạch thông tin hoạt động theo quy định của pháp luật*. Theo đó, đã tập trung: (i) Rà soát, cập nhật, hoàn thiện hệ thống các quy định nội bộ về các lĩnh vực nghiệp vụ; (ii) Thiết lập bộ máy kiểm tra, kiểm soát, quản lý rủi ro; (iii) Nâng cao hiệu quả giám sát của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban điều hành đối với hoạt động của ngân hàng; (iv) Tách biệt chức năng quản trị của HĐQT với chức năng điều hành của Ban điều hành; thiết lập cơ chế phân cấp, ủy quyền minh bạch, rõ ràng, tránh xung đột lợi ích; (v) Thiết lập và tuân thủ nghiêm ngặt hạn mức rủi ro, tăng cường công tác báo cáo rủi ro, sai phạm; (vi) Tăng cường đào tạo, phổ biến các quy tắc đạo đức, nghề nghiệp, nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật, tinh thần trách nhiệm của cán bộ các cấp trong thực thi nhiệm vụ; (vii) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và hiện đại hóa công nghệ ngân hàng.

Có thể nói, những nỗ lực của ngành Ngân hàng trong quá trình thực hiện cơ cấu lại đã góp phần quan trọng bảo đảm an toàn hoạt động ngân hàng, tạo nền tảng kinh tế vĩ mô bền vững, góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, thể hiện ở việc các tổ chức xếp hạng tín nhiệm liên tục điều chỉnh tăng triển vọng xếp hạng trong các năm gần đây⁵¹.

⁵⁰ Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 được ban hành nhằm tạo cơ sở pháp lý để một số các TCTD đang gặp khó khăn về tài chính, cơ cấu lại danh mục tài sản chưa thực hiện được tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN kể từ ngày 01/01/2020 xây dựng lộ trình phù hợp (nhưng không quá thời hạn 03 năm) để thực hiện theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN.

⁵¹ Có 19 NHTM của Việt Nam nằm trong danh sách Top 500 ngân hàng lớn và mạnh nhất Châu Á-Thái Bình Dương và 01 ngân hàng nằm trong Top 200 ngân hàng lớn nhất trong khu vực Châu Á-Thái Bình Dương xét về tiêu chí chỉ số sức mạng lớn nhất (Strength Rank) theo công bố của Tạp chí Asian Banker năm 2019. Trong đó,

b) Kết quả xử lý nợ xấu và hiệu quả hoạt động của VAMC

** Kết quả xử lý nợ xấu:*

- Về xử lý nợ xấu nội bảng (theo Thông tư số 02/2013/TT-NHNN):

Nợ xấu nội bảng của hệ thống các TCTD tiếp tục được xử lý, kiểm soát và duy trì ở mức dưới 3%⁵² (tỷ lệ nợ xấu nội bảng đến cuối tháng 6/2020 ước tính là 1,8%). Tính từ năm 2012 đến cuối tháng 6/2020, toàn hệ thống các TCTD ước tính đã xử lý được 1.106,95 nghìn tỷ đồng nợ xấu (riêng năm 2019 xử lý được 159,7 nghìn tỷ đồng và 6 tháng đầu năm 2020 xử lý được 56,96 nghìn tỷ đồng).

Tỷ lệ nợ xấu nội bảng, nợ bán cho VAMC chưa xử lý và nợ tiềm ẩn trở thành nợ xấu của hệ thống TCTD đến tháng 6/2020 ước tính ở mức 4,36%, giảm mạnh so với mức 10,08% cuối năm 2016, mức 7,36% cuối năm 2017 và mức 5,85% vào cuối năm 2018.

- Về xử lý nợ xấu được xác định theo Nghị quyết 42:

Lũy kế từ 15/8/2017 đến cuối tháng 6/2020, cả hệ thống TCTD đã xử lý được 300,1 nghìn tỷ đồng nợ xấu xác định theo Nghị quyết 42⁵³; trong đó:

+ Xử lý nợ xấu nội bảng (không bao gồm xử lý bằng sử dụng dự phòng rủi ro và bán nợ cho VAMC thông qua phát hành trái phiếu đặc biệt) là 162,5 nghìn tỷ đồng (chiếm 54,1% tổng nợ xấu đã xử lý);

+ Xử lý các khoản nợ đang hạch toán ngoài bảng cân đối kế toán xác định theo Nghị quyết 42 là 69,9 nghìn tỷ đồng (chiếm 23,3% tổng nợ xấu đã xử lý);

+ Xử lý các khoản nợ xấu xác định theo Nghị quyết 42 đã bán cho VAMC được thanh toán bằng trái phiếu đặc biệt là 67,7 nghìn tỷ đồng (chiếm 22,6%).

** Hiệu quả hoạt động của VAMC:*

Sau gần 07 năm đi vào hoạt động, VAMC đã phát huy vai trò quan trọng trong việc mua, bán, xử lý nợ xấu của hệ thống các TCTD, cụ thể:

- Hoạt động mua nợ của VAMC góp phần quan trọng trong việc duy trì tỷ lệ nợ xấu của hệ thống TCTD ở mức dưới 3% trong suốt giai đoạn từ 2015 đến nay.

Từ năm 2013 đến 30/6/2020, VAMC đã thực hiện mua nợ của TCTD số tiền lũy kế là 336.330 tỷ đồng, tương ứng với dư nợ gốc nội bảng là 368.190 tỷ đồng, trong đó: (i) Mua nợ bằng trái phiếu đặc biệt là 328.123 tỷ đồng (dư nợ xấu nội bảng 360.177 tỷ đồng); (ii) Mua nợ xấu theo giá trị thị trường (GTTT) là 8.207 tỷ đồng.

- Việc xử lý nợ xấu tại VAMC đạt được kết quả tích cực, đặc biệt từ khi triển khai Nghị quyết 42.

Lũy kế từ khi thành lập đến cuối tháng 6/2020, trong tổng số dư nợ gốc của TCTD đã được xử lý, VAMC phối hợp với các TCTD thu hồi được số tiền là 154.378 tỷ đồng. Đặc biệt, từ khi Nghị quyết 42 có hiệu lực, kết quả thu hồi nợ

NHTMCP Ngoại thương xếp hạng thứ 17 trong số 500 ngân hàng được xếp hạng và 04 năm liên tiếp được đánh giá là ngân hàng có bảng cân đối tài chính mạnh nhất Việt Nam.

⁵² Tỷ lệ nợ xấu nội bảng của hệ thống TCTD qua các năm 2016 là 2,46%; năm 2017 là 1,99%; năm 2018 là 1,91%; năm 2019 là 1,63%.

⁵³ Không bao gồm nợ xấu xử lý bằng sử dụng dự phòng rủi ro.

của VAMC đạt 93.074 tỷ đồng, bằng 60% tổng giá trị thu hồi nợ lũy kế từ năm 2013 đến cuối tháng 6/2020.

Hiện nay, VAMC đang triển khai Đề án Cơ cấu lại và nâng cao năng lực VAMC giai đoạn 2017-2020 (ban hành theo Quyết định số 28/QĐ-NHNN ngày 05/01/2018 của NHNN) theo hướng tiếp tục duy trì vai trò của VAMC là công cụ đặc biệt của Nhà nước trong xử lý nợ xấu và là trung tâm thúc đẩy sự phát triển của thị trường mua bán nợ.

c) Tăng cường hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra, kiểm soát nội bộ; sử dụng hiệu quả thông tin đánh giá tín nhiệm các TCTD; Rà soát để xử lý dứt điểm tình trạng sở hữu chéo; Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong hệ thống; Quản lý hoạt động cho vay của các công ty tài chính, hoạt động cho vay tiêu dùng

* Công tác thanh tra tiếp tục được đổi mới theo hướng thanh tra pháp nhân, gắn kết chặt chẽ với công tác giám sát, từng bước kết hợp và áp dụng phương pháp thanh tra trên cơ sở rủi ro, hướng tới ngăn chặn, cảnh báo sớm các rủi ro có khả năng phát sinh thay vì xử lý sai phạm đã xảy ra. Công tác thanh tra, kiểm tra đã phát hiện nhiều tồn tại, sai phạm trong hoạt động của các TCTD và đã đưa ra những kiến nghị/khuyến nghị, cảnh báo góp phần đảm bảo hoạt động của các TCTD an toàn, lành mạnh và tuân thủ quy định của pháp luật. Từ năm 2016 đến hết tháng 6/2020, NHNN đã thực hiện khoảng 5.700 cuộc thanh tra, kiểm tra; ban hành kết luận thanh tra, biên bản kiểm tra đối với trên 5.500 cuộc thanh tra, kiểm tra; đưa ra khoảng 43.000 kiến nghị, yêu cầu TCTD khắc phục tồn tại, sai phạm; ban hành trên 700 quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với TCTD và doanh nghiệp, cá nhân. Ngoài ra, NHNN cũng chủ động, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan (Ban Nội chính Trung ương, Bộ Công an, Tòa án Nhân dân, Viện Kiểm sát Nhân dân, Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính phủ) phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật, tăng cường đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tội phạm trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng.

* Công tác giám sát ngân hàng thường xuyên được đổi mới và tăng cường trên cơ sở hoàn thiện, triển khai các công cụ, phương pháp giám sát mới gắn liền với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển cơ sở dữ liệu và hệ thống tiêu chí giám sát nhằm nâng cao khả năng cảnh báo sớm của NHNN đối với những rủi ro tiềm ẩn mang tính hệ thống và ngăn ngừa nguy cơ vi phạm pháp luật ngân hàng của các TCTD. Trên cơ sở những sai phạm, rủi ro phát hiện qua công tác giám sát, NHNN đã ban hành các văn bản chỉ đạo, chấn chỉnh, cảnh báo rủi ro, yêu cầu TCTD chấp hành nghiêm túc các quy định pháp luật.

* Về sử dụng thông tin xếp hạng các TCTD: Để phục vụ công tác quản lý nhà nước, đảm bảo an toàn, an ninh tiền tệ trong hoạt động ngân hàng, định kỳ hàng năm, NHNN tiến hành đánh giá, xếp hạng các TCTD⁵⁴ dựa trên 06 tiêu chí theo mô hình CAMELS⁵⁵. Trên cơ sở kết quả xếp hạng, NHNN có các biện pháp

⁵⁴ Thông tư số 52/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 về xếp hạng TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Thông tư số 42/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 về xếp hạng các QTDND.

⁵⁵ Gồm: Vốn (trọng số 20%), Chất lượng tài sản (trọng số 30%), Quản trị điều hành (trọng số 10%), Kết quả hoạt động kinh doanh (trọng số 20%), Khả năng thanh khoản (trọng số 15%), Mức độ nhạy cảm đối với rủi ro thị trường (trọng số 5%). Mô hình xếp hạng CAMELS dựa trên kết quả thanh tra tại chỗ kết hợp với phân tích các tỷ lệ trên báo cáo tài chính nhằm đánh giá và phân loại tình hình tổng thể về sức khỏe của một ngân hàng.

quản lý phù hợp với tình hình hoạt động và sự lành mạnh của từng TCTD như: (i) Xem xét, đánh giá về mức độ an toàn, lành mạnh của các TCTD; (ii) Kịp thời xác định các TCTD tiềm ẩn nguy cơ rủi ro; qua đó có các biện pháp ngăn chặn như: cảnh báo sớm tới các TCTD; yêu cầu TCTD xây dựng và thực hiện các phương án khắc phục; đặt TCTD vào tình trạng kiểm soát đặc biệt...

* *Về xử lý tình trạng sở hữu chéo*: Vấn đề sở hữu chéo, đầu tư chéo trong hệ thống các TCTD đã được xử lý có hiệu quả, tình trạng cổ đông/nhóm cổ đông lớn, thao túng, chi phối ngân hàng được kiểm soát. Kết quả đến 30/6/2020: (i) Số cặp TCTD sở hữu chéo trực tiếp lẫn nhau đến nay đã khắc phục hết (năm 2012: 7 cặp); (ii) Sở hữu cổ phần trực tiếp lẫn nhau giữa ngân hàng và doanh nghiệp giảm, đến nay còn tại 1 NHTMCP với 1 cặp sở hữu cổ phần lẫn nhau⁵⁶ (tại thời điểm tháng 6/2012 có 56 cặp).

* *Về quản lý hoạt động cho vay của các công ty tài chính, cho vay tiêu dùng*

- *Đối với hoạt động của các công ty tài chính*: Trên toàn hệ thống hiện có 16 công ty tài chính đang hoạt động, trong đó có 12 công ty tài chính tín dụng tiêu dùng. NHNN thực hiện giám sát thường xuyên về tình hình tài chính và những vấn đề cần lưu ý đối với các công ty tài chính theo 02 nhóm (công ty tài chính hoạt động bình thường và công ty tài chính hoạt động yếu kém) đối với các nội dung: huy động vốn, cho vay, chất lượng tài sản, kết quả kinh doanh, tình hình thanh khoản, việc thực hiện các tỷ lệ an toàn hoạt động,... NHNN cũng đã ban hành Thông tư số 18/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 về cho vay tiêu dùng của công ty tài chính theo hướng chặt chẽ hơn nhằm kiểm soát và giảm rủi ro phát sinh từ hoạt động của các công ty tài chính, bảo vệ quyền lợi khách hàng, đảm bảo hoạt động cho vay tiêu dùng phát triển an toàn, bền vững, lành mạnh.

- *Đối với hoạt động cho vay tiêu dùng*: NHNN thường xuyên có các công văn chỉ đạo NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố kiểm soát tốt việc cấp tín dụng tiêu dùng, phục vụ đời sống của các công ty tài chính tiêu dùng, chi nhánh và văn phòng đại diện của các công ty tài chính tiêu dùng; đồng thời yêu cầu TCTD, công ty tài chính tiêu dùng chấn chỉnh lại hoạt động cho vay tiêu dùng, có chính sách lãi suất phù hợp, thu nợ đảm bảo minh bạch, đúng quy định⁵⁷. Bên cạnh đó, NHNN đã tăng cường làm việc trực tiếp với một số TCTD có tỷ trọng cấp tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro, trong đó có cấp tín dụng tiêu dùng ở mức cao hoặc có xu hướng tăng nhanh. NHNN cũng đã từng bước hoàn thiện các cơ chế, chính sách quy định về cho vay tiêu dùng và cho vay phục vụ nhu cầu đời sống liên quan đến bất động sản để bảo đảm quản lý, kiểm soát chặt chẽ hoạt động cấp tín dụng này⁵⁸.

* *Về công tác đấu tranh phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố*:

⁵⁶ Gồm: NHTMCP Á Châu - Công ty cổ phần Bất động sản Hòa Phát - Á Châu (tỷ lệ sở hữu của NHTMCP Á Châu tại Công ty cổ phần Bất động sản Hòa Phát - Á Châu là 2,86% và ngược lại là 0,042%).

⁵⁷ Công văn số 3436/NHNN-TTGSNH ngày 15/5/2018; số 7022/NHNN-TTGSNH ngày 18/9/2018; số 7352/NHNN-TTGSNH ngày 16/9/2019; số 2438/NHNN-TD ngày 09/4/2019; số 4459/NHNN-TTGSNH ngày 14/6/2018; số 1366/TTGSNH4 ngày 09/5/2018; số 4660/NHNN-TTGSNH và số 4661/NHNN-TTGSNH ngày 29/6/2020.

⁵⁸ Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Thông tư số 43/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Thông tư số 18/2019/TT-NHNN ngày 04/11/2019.

Giai đoạn từ năm 2016 đến nay tiếp tục đánh dấu những bước tiến quan trọng trong công tác phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố. Thực hiện vai trò của cơ quan đầu mối trong việc triển khai Kế hoạch hành động quốc gia về phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố giai đoạn 2015-2020⁵⁹, NHNN đã tích cực phối hợp với các Bộ, ngành liên quan: (i) Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố⁶⁰; (ii) Tham mưu trình Thủ tướng Chính ban hành Quyết định số 474/QĐ-TTg ngày 30/4/2019 phê duyệt Kế hoạch hành động giải quyết những rủi ro rửa tiền, tài trợ khủng bố giai đoạn 2019-2020.

Từ tháng 10/2017 đến nay, với vai trò là Cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo phòng, chống rửa tiền, NHNN đã phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan triển khai các hoạt động chuẩn bị cho đánh giá đa phương của Nhóm Châu Á - Thái Bình Dương về chống rửa tiền (APG) đối với cơ chế phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố của Việt Nam. Hiện nay, NHNN đang tích cực phối hợp với các Bộ, ngành liên quan triển khai các hành động cần thực hiện theo khuyến nghị của Đoàn APG để sẵn sàng phản hồi, bảo vệ kết quả đánh giá khi APG chính thức làm việc với Việt Nam. Tăng cường công tác thanh tra, giám sát về phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, thu hồi tài sản phạm tội; tăng cường phối hợp với các cơ quan chức năng trong công tác phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm rửa tiền.

Cùng với các hoạt động chuẩn bị cho đánh giá đa phương, NHNN cũng tập trung thực hiện công tác thu thập, xử lý và chuyển giao thông tin giao dịch đáng ngờ và cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền⁶¹; đồng thời tăng cường hợp tác quốc tế, xây dựng hệ thống công nghệ thông tin phục vụ công tác phòng, chống rửa tiền, góp phần phòng, chống tội phạm, bảo vệ an ninh tài chính-tiền tệ quốc gia và sự an toàn của hệ thống ngân hàng.

5. Triển khai tích cực Đề án đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt; đẩy mạnh ứng dụng và bảo đảm an ninh, an toàn công nghệ thông tin trong hoạt động ngân hàng; triển khai thí điểm các mô hình thanh toán mới, áp dụng công nghệ mới trong hoạt động thanh toán (Nghị quyết số 55/2017/QH14)

Giai đoạn 2016-2020 tiếp tục đánh dấu bước tiến vượt bậc trong sự phát triển của hoạt động thanh toán cả về chất và lượng với nhiều sản phẩm, dịch vụ thanh toán mới, tiện ích và hiện đại dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin; các chỉ số thanh toán không dùng tiền mặt tăng trưởng ấn tượng; công tác đảm bảo an ninh, an toàn hệ thống TTKDTM được coi trọng và tăng cường; các rủi ro, nguy cơ mất an toàn cơ bản được nhìn nhận, kiểm soát và xử lý kịp thời. Kết quả này được thể hiện ở những mặt sau: (i) Hạ tầng kỹ thuật và công nghệ phục vụ

⁵⁹ Quyết định số 2112/QĐ-TTg ngày 25/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

⁶⁰ NHNN đã: (i) trình Chính phủ ban hành Nghị định số 87/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 116/2013/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống rửa tiền; (ii) chủ trì ban hành Thông tư số 20/2019/TT-NHNN ngày 14/11/2019 sửa đổi, bổ sung Thông tư 35/2013/TT-NHNN ngày 31/12/2013 hướng dẫn một số quy định về phòng, chống rửa tiền.

⁶¹ Từ năm 2016 đến nay, NHNN đã nhận được khoảng 7.200 báo cáo giao dịch đáng ngờ từ các đối tượng báo cáo, trong đó, đã chuyển giao thông tin cho cơ quan chức năng có thẩm quyền khoảng 570 vụ việc. Ngoài ra, NHNN đã nhận được yêu cầu từ các cơ quan có thẩm quyền trong nước đề nghị rà soát, cung cấp thông tin về hơn 800 vụ việc liên quan tới bị can, bị cáo hoặc đối tượng trong các vụ án.

TTKDTM, nhất là thanh toán điện tử được đầu tư, nâng cấp⁶², trong đó Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (TTĐTLNH) hoạt động an toàn, hiệu quả và thông suốt, tiếp tục phát huy vai trò là Hệ thống thanh toán xương sống của quốc gia, đáp ứng tốt nhu cầu thanh toán liên ngân hàng trong toàn quốc⁶³; (ii) Hoạt động TTKDTM có sự phát triển mạnh mẽ, nhất là thanh toán qua điện thoại di động và Internet⁶⁴; (iii) Xu hướng chuyển dịch sang các sản phẩm, dịch vụ có ứng dụng công nghệ mới, hiện đại, tiện ích và thân thiện với người sử dụng; (iv) Thanh toán điện tử trong khu vực dịch vụ công đã được chú trọng, tăng cường⁶⁵.

Để đạt được những kết quả như trên, NHNN đã chủ động triển khai các giải pháp đồng bộ, hiệu quả nhằm đẩy mạnh TTKDTM và nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính cho người dân theo chủ trương của Chính phủ như: (i) Triển khai hiệu quả Đề án phát triển TTKDTM (Quyết định 2545/QĐ-TTg ngày 31/12/2016) và Đề án đẩy mạnh thanh toán qua ngân hàng đối với dịch vụ công như thu thuế, điện, nước sinh hoạt, học phí, viện phí, chi trả các chương trình an sinh xã hội (Quyết định 241/QĐ-TTg ngày 23/2/2018); (ii) Ban hành Bộ Tiêu chuẩn cơ sở thẻ chip nội địa, Bộ đặc tả kỹ thuật QR-code nhằm đảm bảo an toàn, tiện ích với chi phí hợp lý; (iii) Chỉ đạo các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán (TGTT) nghiên cứu, ứng dụng mạnh mẽ các công nghệ mới, hiện đại vào các sản phẩm, dịch vụ thanh toán; (iv) Nâng cấp Hệ thống TTĐTLNH, chỉ đạo xây dựng Hệ thống thanh toán phục vụ các giao dịch bán lẻ (ACH) cho phép xử lý giao dịch thanh toán 24/7/365 nhằm đáp ứng tốt nhu cầu ngày càng tăng của người tiêu dùng trong nền kinh tế số; (v) Làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền về TTKDTM, giáo dục tài chính, có các biện pháp hữu hiệu nhằm bảo vệ người tiêu dùng.

Cùng với công tác chỉ đạo phát triển TTKDTM, NHNN cũng đặc biệt chú trọng chỉ đạo, điều hành công tác đảm bảo an ninh, an toàn hoạt động thanh toán nói riêng và hoạt động ngân hàng nói chung thông qua nhiều biện pháp như: (i) Tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về tăng cường công tác an ninh công nghệ thông tin, an toàn trong lĩnh vực thanh toán dựa trên các chuẩn mực, thông lệ quốc tế, đảm bảo hệ thống thông tin của ngành Ngân hàng đủ sức ứng phó với các rủi

⁶² Đến tháng 6/2020, có 78 tổ chức triển khai dịch vụ thanh toán qua internet và 48 tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán qua điện thoại di động, 35 tổ chức không phải là ngân hàng đã được NHNN cấp Giấy phép cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán. Số tài khoản cá nhân đạt hơn 93 triệu, tăng 45,1% so với cùng kỳ năm 2016. Tổng lượng thẻ lưu hành đạt gần 106 triệu thẻ, tăng 38,8% so với cùng kỳ năm 2016. Mạng lưới ATM, POS phủ sóng đến tất cả các địa bàn tỉnh, thành phố trên cả nước với 19.571 ATM và 266.308 POS (tăng 14,86% và 11,32% so với cùng kỳ năm 2016).

⁶³ Đến tháng 6/2020, số lượng giao dịch qua Hệ thống TTĐTLNH đạt hơn 69 triệu món với 49,9 triệu tỷ đồng (tăng tương ứng 88,11% về số lượng và 136,95% về giá trị so với cùng kỳ năm 2016).

⁶⁴ Đến tháng 6/2020, thanh toán qua kênh Internet đạt hơn 200 triệu giao dịch với giá trị đạt hơn 12,9 triệu tỷ đồng (tăng tương ứng 244,7% và 300,5% so với cùng kỳ năm 2016); thanh toán qua kênh điện thoại di động đạt hơn 472,2 triệu giao dịch với giá trị đạt 4,8 triệu tỷ đồng (tăng tương ứng 986,7% và 2.486,7% so với cùng kỳ năm 2016); thanh toán qua POS đạt 154,3 triệu món với 276 nghìn tỷ đồng (tăng tương ứng 276,58% và 132,83% so với cùng kỳ năm 2016); thanh toán qua ATM đạt 484,5 triệu món với 1,3 triệu tỷ đồng (tăng tương ứng 34,77% và 53,4% so với cùng kỳ năm 2016). Theo khảo sát của PwC đối với 27 nước đã ghi nhận Việt Nam là thị trường tăng trưởng nhanh nhất về thanh toán di động trong năm 2018.

⁶⁵ Đến tháng 6/2020, hệ thống TTĐTLNH đã hoàn thành kết nối thanh toán điện tử liên ngân hàng tại 63 KBNN cấp tỉnh; số ngân hàng phối hợp thu với Tổng cục Hải quan là 43 trong đó có 30 ngân hàng tham gia nộp thuế điện tử và thông quan 24/7; Số thu ngân sách bằng phương thức điện tử đạt tỷ lệ trên 95% tổng số thu ngân sách của Tổng cục Hải quan; nhiều ngân hàng đã phối hợp với các bệnh viện để triển khai thanh toán viện phí điện tử...

ro, thách thức về an ninh thông tin trên không gian mạng⁶⁶; **(ii)** Ban hành các văn bản chỉ đạo, cảnh báo, chấn chỉnh các TCTD, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp tăng cường an ninh, bảo mật trong hoạt động thanh toán và trung gian thanh toán; **(iii)** Triển khai áp dụng các giải pháp tăng cường an ninh, an toàn đối với hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho thanh toán; **(iv)** Triển khai các biện pháp cần thiết nhằm ngăn chặn, xử lý triệt để các hành vi lợi dụng hình thức thanh toán qua ngân hàng, tổ chức trung gian thanh toán để thực hiện hoạt động bất hợp pháp như: thanh toán xuyên biên giới trái phép, tiền ảo, tài sản ảo, giả mạo thẻ, bảo mật thông tin người sử dụng,...; **(v)** Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, đảm bảo các hệ thống thanh toán hoạt động an toàn, hiệu quả đối với hoạt động nghiệp vụ và hệ thống công nghệ của các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán; **(vi)** Đẩy mạnh truyền thông, cảnh báo kịp thời phương thức, thủ đoạn mới của tội phạm công nghệ cao trong lĩnh vực ngân hàng.

NHNN cũng đã tích cực triển khai các giải pháp thí điểm các mô hình, công nghệ mới, như: **(i)** Phối hợp với Bộ, ngành liên quan nghiên cứu và đã có Báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc cho phép thí điểm các tổ chức TGTT và ngân hàng Việt Nam hợp tác thanh toán với tổ chức TGTT, ngân hàng nước ngoài; hay mô hình dịch vụ tương tự mô hình NHTM giao đại lý cung ứng các dịch vụ thanh toán; **(ii)** Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt triển khai thí điểm dùng tài khoản viễn thông thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ (Mobile Money)⁶⁷; **(iii)** Hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định về cơ chế quản lý thử nghiệm có kiểm soát cho hoạt động Fintech trong lĩnh vực ngân hàng trình Chính phủ; **(iv)** Xây dựng Báo cáo cơ chế thí điểm quản lý hoạt động cho vay ngang hàng (P2P Lending) tại Việt Nam; **(v)** Nghiên cứu để bổ sung các quy định pháp lý phù hợp đối với các sản phẩm, mô hình, dịch vụ, phương tiện thanh toán mới gắn với cách mạng công nghiệp 4.0 như ngân hàng số, công nghệ định danh và nhận biết khách hàng điện tử (e KYC)⁶⁸, công nghệ thanh toán phi tiếp xúc (contactless)...

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Hoạt động tín dụng

*** Đối với tín dụng phục vụ nông nghiệp, nông thôn:** Cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn còn gặp nhiều khó khăn do sản xuất nông nghiệp luôn tiềm ẩn rủi ro do thiên tai, dịch bệnh, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị chưa được đẩy mạnh, sản xuất nông nghiệp công nghệ cao chưa bài bản, thị trường tiêu thụ không ổn định ảnh hưởng đến hoạt động tín dụng.

Kiến nghị các Bộ, ngành, địa phương liên quan nâng cao chất lượng công tác quy hoạch trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, bảo đảm phù hợp giữa quy hoạch tổng thể và quy hoạch từng vùng, địa phương và thị trường, mở rộng tìm kiếm thị trường tiêu thụ, nhất là các sản phẩm nông nghiệp có thế mạnh của Việt Nam; tiếp tục thực hiện các giải pháp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ

⁶⁶ Từ năm 2017 đến nay, NHNN đã rà soát ban hành 02 Thông tư, 02 Quyết định và nhiều văn bản chỉ đạo về đảm bảo an ninh, an toàn thông tin mạng.

⁶⁷ Tờ trình số 42/TTr-NHNN ngày 24/4/2020.

⁶⁸ NHNN đã nghiên cứu, xây dựng dự thảo Thông tư quy định về mở và sử dụng tài khoản thanh toán, trong đó có nội dung hướng dẫn việc mở tài khoản thanh toán bằng phương thức điện tử (eKYC) không cần gặp mặt trực tiếp.

cao trong sản xuất, chú trọng ứng dụng, phát triển công nghệ chế biến, chế biến sâu sản phẩm nông nghiệp, tăng cường liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị.

*** Đối với chương trình cho vay theo Nghị định 67:** nợ xấu chương trình cho vay theo Nghị định 67 vẫn gia tăng do ý thức trả nợ của người dân còn kém, các chính sách hỗ trợ dạy nghề, bảo hiểm, đầu tư,...chưa đồng bộ, ảnh hưởng đến hiệu quả khai thác của ngư dân.

Kiến nghị các cấp chính quyền địa phương cần tiếp tục quan tâm, hỗ trợ ngành ngân hàng nhằm đẩy mạnh triển khai các chương trình, chính sách tín dụng trên địa bàn. Đồng thời, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền để người dân hiểu chính sách của Nhà nước, nâng cao trách nhiệm trả nợ vay ngân hàng để chính sách phát huy hiệu quả, hạn chế nợ xấu ngân hàng.

*** Đối với chương trình tín dụng cho vay nhà ở xã hội:** Việc triển khai một số chương trình tín dụng hỗ trợ lãi suất chậm được cấp vốn hoặc chưa được bố trí nguồn cấp bù lãi suất.

Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính bố trí kế hoạch nguồn vốn và kịp thời thực hiện cấp bù lãi suất cho các TCTD triển khai cho vay cho các chương trình tín dụng đặc thù (Quyết định 68/2013/QĐ-TTg, Nghị định 100/2015/NĐ-CP).

*** Đối với cho vay BOT, BT giao thông:** Hiện nay, dư nợ cấp tín dụng đối với các dự án BOT, BT giao thông đã chạm ngưỡng giới hạn được cấp tín dụng đối với lĩnh vực này.

Kiến nghị Quốc hội xem xét, thông qua: (i) tăng vốn điều lệ cho các NHTMNN tạo điều kiện trong việc tài trợ các dự án lớn, trọng điểm, trong đó có các dự án trong lĩnh vực giao thông; (ii) Luật PPP, trong đó có quy định về cơ chế Nhà nước chia sẻ rủi ro với nhà đầu tư như cơ chế bảo lãnh doanh thu tối thiểu nhằm thu hút nhà đầu tư vào các dự án BOT giao thông cũng như các TCTD tài trợ cho dự án.

2. Về công tác cơ cấu lại các TCTD gắn với xử lý nợ xấu

- Việc phối hợp giữa Bộ Tài chính, các cơ quan có liên quan và NHNN trong việc thanh tra, giám sát đối với các công ty con, công ty liên kết của TCTD (như công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm...) còn hạn chế. Công tác quản lý nhà nước của NHNN đối với các đối tượng này chủ yếu thông qua báo cáo của ngân hàng mẹ (trong đó giám sát chủ yếu thông qua quy định về giới hạn góp vốn mua cổ phần, kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con, công ty liên kết), chưa có nhiều thông tin từ các cơ quan có chức năng thanh tra, giám sát các công ty con, công ty liên kết của TCTD.

- Việc tăng vốn điều lệ của các NHTMNN nhằm nâng cao năng lực tài chính, đáp ứng yêu cầu về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu Basel II còn gặp khó khăn do vướng mắc về quy định pháp lý.

- Nợ xấu đã xử lý được một bước quan trọng nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro đối với an toàn, hiệu quả hoạt động của các TCTD. Nợ xấu hiện đang tập trung chủ yếu ở các TCTD yếu kém, tuy nhiên chưa thể xử lý nhanh được do nhiều khoản nợ liên quan đến vụ án, hồ sơ pháp lý chưa hoàn chỉnh và khả năng trích lập dự phòng rủi ro của một số TCTD còn hạn chế.

- Kinh tế thế giới và trong nước vẫn diễn biến phức tạp, ẩn chứa nhiều yếu tố bất ổn, đặc biệt tác động bất lợi từ dịch tả lợn Châu Phi, thiên tai, dịch bệnh Covid-19 đặt ra những thách thức không nhỏ đối với mục tiêu về kiểm soát nợ xấu cũng như các mục tiêu khác đặt ra tại Đề án 1058, tiềm ẩn nợ xấu tăng.

Để tiếp tục triển khai công tác thanh tra, giám sát, cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu theo Đề án 1058 và Nghị quyết 42 đạt hiệu quả, NHNN kiến nghị:

*** Đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ:** (i) Tiếp tục chỉ đạo sát sao quá trình triển khai nhiệm vụ cơ cấu lại hệ thống các TCTD đặc biệt đối với các đề xuất của NHNN về phương án xử lý các TCTD yếu kém; (ii) Chỉ đạo Bộ Tài chính phối hợp chặt chẽ trong việc thanh tra, giám sát đối với các công ty con, công ty liên kết của TCTD; phối hợp trong xử lý vấn đề tăng vốn điều lệ của các NHTMNN, đặc biệt là việc tăng vốn điều lệ của Agribank từ nguồn ngân sách nhà nước theo Nghị quyết của Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIV; (iii) Có thêm các giải pháp hỗ trợ DNNVV, các hộ kinh doanh cá thể để phục hồi sản xuất kinh doanh, góp phần hạn chế nợ xấu để kịp thời tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, người dân bị thiệt hại do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

*** Đối với Quốc hội:** (i) Tiếp tục quan tâm, hỗ trợ quá trình xử lý nợ xấu nói chung và xử lý nợ xấu theo quy định tại Nghị quyết số 42 nói riêng thông qua việc quyết định mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, nhiệm vụ cơ bản phát triển kinh tế - xã hội dài hạn và hằng năm của đất nước; (ii) Xem xét đến khía cạnh xử lý nợ xấu khi quyết định chính sách cơ bản về tài chính, tiền tệ quốc gia, đặc biệt là quy định liên quan đến thuế (nhất là trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp như hiện nay).

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ THỜI GIAN TỚI

1. Tiếp tục điều hành các công cụ chính sách tiền tệ (nhiệm vụ thị trường mở, tái cấp vốn, lãi suất, tỷ giá, dự trữ bắt buộc...) chủ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ, đồng bộ với chính sách tài khóa, phù hợp với cân đối vĩ mô, diễn biến thị trường và thực tế hoạt động của TCTD nhằm đảm bảo hoạt động ổn định của thị trường tiền tệ, ngoại tệ; hỗ trợ TCTD triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn, khôi phục kinh tế sau dịch.

2. Tiếp tục chỉ đạo các TCTD mở rộng tín dụng, tập trung vốn cho vay đối với lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên, các dự án, phương án sản xuất kinh doanh có hiệu quả, khả năng phục hồi sau dịch; kiểm soát chặt chẽ rủi ro tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro, đảm bảo an toàn hoạt động.

3. Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covi-19; Tăng cường phối hợp với UBND các tỉnh, thành phố triển khai Chương trình kết nối ngân hàng-doanh nghiệp; Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hóa thủ tục vay vốn.

4. Tích cực triển khai các chương trình tín dụng theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, khuyến khích TCTD phát triển các sản phẩm tín dụng đáp ứng nhu cầu hợp pháp của người dân, đặc biệt là các đối tượng thu nhập thấp. Tiếp tục chỉ đạo NHCSXH đẩy mạnh triển khai các chương trình cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách.

5. Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế chính sách, quy định pháp luật về hoạt động ngân hàng (nếu cần thiết) tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp và nền kinh tế khôi phục sau dịch. Theo đó, trước mắt sẽ xem xét sửa đổi, bổ sung

Thông tư 01 để phù hợp với tình hình mới (như mở rộng phạm vi nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ,...); đồng thời, sửa đổi, bổ sung Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 theo hướng xem xét lùi lộ trình áp dụng tỷ lệ tối đa nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung dài hạn. Chú trọng hoàn thiện các khung khổ pháp lý để thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, phát triển các dịch vụ công nghệ tài chính mới.

6. Tiếp tục chỉ đạo các TCTD triển khai quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp về cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu theo Nghị quyết 42, Đề án 1058 và Đề án cơ cấu lại, xử lý nợ xấu giai đoạn tiếp theo, bảo đảm sự phát triển an toàn, bền vững của hệ thống; kiểm soát và duy trì tỷ lệ nợ xấu theo các mục tiêu đã đề ra. Tập trung chỉ đạo cơ cấu lại các TCTD yếu kém bằng các hình thức phù hợp với cơ chế thị trường trên nguyên tắc thận trọng, bảo đảm quyền lợi của người gửi tiền và giữ vững sự ổn định, an toàn hệ thống các TCTD; bám sát chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền đối với phương án xử lý 03 ngân hàng mua bắt buộc và DAB. Tiếp tục tăng cường năng lực tài chính cho các NHTMNN, bảo đảm vai trò chủ đạo của các ngân hàng này trong hệ thống các TCTD.

7. Tiếp tục đổi mới công tác thanh tra theo hướng thanh tra pháp nhân, gắn kết chặt chẽ với công tác giám sát, từng bước kết hợp và áp dụng phương pháp thanh tra trên cơ sở rủi ro. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, đặc biệt là các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro cao; xử lý nghiêm các vi phạm trong hoạt động tiền tệ, ngân hàng của các TCTD và chi nhánh NHNNg.

8. Tập trung hoàn thành các nhiệm vụ phát triển TTKDTM tại Việt Nam. Đẩy mạnh xây dựng hạ tầng công nghệ phục vụ cho việc chia sẻ, cung ứng các sản phẩm số và tăng cường tích hợp, kết nối với các Bộ, ngành, lĩnh vực còn lại để mở rộng hệ sinh thái; thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng thành tựu CMCN 4.0 trong hoạt động thanh toán; nghiên cứu, áp dụng các công nghệ, phương thức thanh toán hiện đại; triển khai các mô hình thanh toán tại nông thôn, vùng sâu, vùng xa gắn với triển khai Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia; thúc đẩy thanh toán điện tử trong khu vực Chính phủ, dịch vụ công.

Chính phủ trân trọng báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch Quốc hội;
- TTgCP và các PTTgCP;
- Tổng Thư ký Quốc hội;
- VPQH: HC, PVHĐGS (5b);
- Hội đồng Dân tộc của Quốc hội;
- Ủy ban Kinh tế của Quốc hội (50b);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- NHNNVN (5b);
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý, Thư ký của TTg và các PTTg;
- các Vụ: QHĐP; Công TĐTĐTCP;
- Lưu: VT, KTTT(2b). 68

**TM.CHÍNH PHỦ
TU. THỦ TƯỚNG
THỐNG ĐỐC
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**



Lê Minh Hưng